

Số: **452**/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **10** tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc khen, thưởng Danh hiệu sinh viên Xuất sắc, Giải toàn khóa
và sinh viên đạt kết quả rèn luyện Xuất sắc toàn khóa
hình thức chính quy tốt nghiệp đợt 3 – năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-ĐHTCM ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ các Quyết định số 570; 571/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc công nhận tốt nghiệp đợt 3 năm 2022 cho sinh viên Khóa 15D, 16D, 17D, 18D và 19D trình độ đại học hình thức chính quy; Khóa 12, 13, 14, 15 và 16 đào tạo liên thông lên trình độ đại học chính quy;

Căn cứ kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên toàn khóa học của sinh viên Khóa 15 (18D), Khóa 16 (19D) trình độ đại học hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen, thưởng **650** sinh viên gồm các khóa: Khóa 16 (19D) trình độ đại học hình thức chính quy và Khóa 16 (LTDH16) đào tạo liên thông lên trình độ đại học chính quy đạt Danh hiệu sinh viên Xuất sắc, Giải toàn khóa và sinh viên đạt kết quả rèn luyện Xuất sắc toàn khóa. Cụ thể:

Stt	Khóa/Trình độ	Số lượng	Danh hiệu
1	Khóa 16 (19D) đại học	19	Sinh viên Xuất sắc toàn khóa
		459	Sinh viên Giỏi toàn khóa
		167	Sinh viên đạt kết quả rèn luyện Xuất sắc toàn khóa
2	Khóa 16 (LTDH16) liên thông lên trình độ đại học	05	Sinh viên Giỏi toàn khóa

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên đạt Danh hiệu sinh viên Xuất sắc, Giỏi toàn khóa và Sinh viên đạt kết quả rèn luyện Xuất sắc toàn khóa được Nhà trường tặng giấy khen và mức thưởng:

- Sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ:
- + Danh hiệu sinh viên Xuất sắc toàn khóa được Nhà trường tặng thưởng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
- + Danh hiệu sinh viên Giỏi toàn khóa được Nhà trường tặng thưởng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- + Sinh viên đạt kết quả rèn luyện Xuất sắc toàn khóa được Nhà trường tặng thưởng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- Tổng số tiền khen thưởng: 1.357.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu đồng chẵn).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Khoa: Công nghệ Thông tin, Du lịch, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Marketing, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản, Thuế – Hải quan, Thương mại; Viện Đào tạo quốc tế; Đoàn thanh niên; các phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra giáo dục, Quản lý đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KHTC, CTSV.



PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU SINH VIÊN GIỎI TOÀN KHÓA
KHÓA 16 (19D) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số **952** /QĐ-ĐHTCM ngày **10/04/2023**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
I	Khoa Công nghệ thông tin										
1	1921006881	Nguyễn Hứa Phương	Tuyên	24/02/2001	19DTK1	3,34	93,50	Giỏi	2.000.000	31310001557040	BIDV
2	1921006753	Phạm Thị Hồng	Ngân	15/9/2001	19DTK2	3,48	91,25	Giỏi	2.000.000	31310004182025	BIDV
3	1921006885	Lê Đoàn Bội	Uyên	03/3/2001	19DTH1	3,55	92,50	Giỏi	2.000.000	31310001376661	BIDV
4	1921006665	Nguyễn Thị	Diễm	16/9/2000	19DTH2	3,39	82,38	Giỏi	2.000.000	1017031648	Vietcombank
5	1921006795	Đoàn Thị Kim	Oanh	09/4/2001	19DTH2	3,22	88,75	Giỏi	2.000.000	04205285101	Tiên Phong Bank
6	1921006901	Nguyễn Hoàng	Vui	31/3/2001	19DTH2	3,32	93,63	Giỏi	2.000.000	31310001555956	BIDV
7	1921006694	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21/6/2001	19DTH3	3,33	88,13	Giỏi	2.000.000	31310001606793	BIDV
8	1921006710	Diệp Thế Bảo	Khang	07/4/2001	19DTH3	3,27	85,88	Giỏi	2.000.000	31310001388073	BIDV
9	1921006771	Phan Thanh	Nhã	06/8/2001	19DTH3	3,33	82,25	Giỏi	2.000.000	9007041006580	Viet Capital Bank
10	1921006826	Phạm Thị Phương	Thảo	26/6/2001	19DTH3	3,26	80,38	Giỏi	2.000.000	31310001388091	BIDV
11	1921006898	Nguyễn Nhật Long	Vũ	14/01/2001	19DTH3	3,58	92,63	Giỏi	2.000.000	31310001295359	BIDV
	Cộng:	11	Sinh viên						22.000.000		
II	Khoa Du lịch										
1	1921006960	Trần Anh	Luận	07/9/2001	19DLH1	3,33	87,75	Giỏi	2.000.000	00000377507	Tiên Phong Bank
2	1921006983	Nguyễn Minh	Nguyễn	05/9/2001	19DLH1	3,48	87,88	Giỏi	2.000.000	31310001607246	BIDV
3	1921007012	Hoàng Thị Anh	Thư	02/10/2001	19DLH1	3,36	80,38	Giỏi	2.000.000	31310001295447	bidv

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
4	1921006951	Đoàn Thị	Liên	16/5/2001	19DLH2	3,42	92,00	Giỏi	2.000.000	31310001376698	BIDV
5	1921006971	Đỗ Thị	Ngân	15/4/2001	19DLH2	3,31	91,25	Giỏi	2.000.000	1035145224	Vietcombank
6	1921007008	Phạm Thiên	Thảo	02/5/2001	19DLH2	3,40	84,75	Giỏi	2.000.000	31310004183727	BIDV
7	1921007018	Trần Nguyễn Thủy	Tiên	08/10/2001	19DLH2	3,26	83,00	Giỏi	2.000.000	31310004183781	BIDV
8	1921007032	Dương Ngọc	Vân	07/8/2001	19DLH2	3,22	81,00	Giỏi	2.000.000	1018619198	Vietcombank
9	1921006937	Trần Thị Vân	Hương	29/3/2001	19DSK	3,48	87,75	Giỏi	2.000.000	31310004183231	BIDV
10	1921006966	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/01/2001	19DSK	3,26	83,38	Giỏi	2.000.000	31310001387405	BIDV
11	1921002913	Trương Quốc	Nguyên	27/12/2001	19DSK	3,44	97,00	Giỏi	2.000.000	31310001259504	BIDV
12	1921003030	Cao Thị Quế	Anh	07/3/2001	19DKS01	3,43	87,13	Giỏi	2.000.000	31310001385959	BIDV
13	1921003038	Bùi Thị Minh	Hậu	03/6/2001	19DKS01	3,51	89,00	Giỏi	2.000.000	31310001385977	BIDV
14	1921003080	Hồ Thị	Hoa	09/5/2001	19DKS01	3,36	84,63	Giỏi	2.000.000	31310001317758	BIDV
15	1921003025	Phạm Khánh	Linh	10/5/2001	19DKS01	3,42	87,25	Giỏi	2.000.000	31310001386022	BIDV
16	1921002988	Lê Thị Diễm	Mi	19/01/2001	19DKS01	3,58	90,75	Giỏi	2.000.000	31310001385940	BIDV
17	1921003001	Ngô Phương	Nhung	21/4/2001	19DKS01	3,22	92,13	Giỏi	2.000.000	6005205161545	Agribank
18	1921003082	Mai Thị Quỳnh	Trang	12/6/2001	19DKS01	3,46	84,25	Giỏi	2.000.000	31310001555798	BIDV
19	1921002973	Nguyễn Thị Duy	Tuyên	02/4/2001	19DKS01	3,44	89,88	Giỏi	2.000.000	1024269656	Vietcombank
20	1921002991	Nguyễn Thị Cát	Tường	14/9/2001	19DKS01	3,26	81,13	Giỏi	2.000.000	9976918740	Vietcombank
21	1921007284	Trần Tú	Bình	27/7/2001	19DKS02	3,34	88,75	Giỏi	2.000.000	0321000671700	Vietcombank
22	1921007291	Hà Lê	Diệu	05/9/2001	19DKS02	3,32	82,25	Giỏi	2.000.000	050114773813	Sacombank
23	1921007328	Nguyễn Thị	Lan	10/01/2001	19DKS02	3,48	87,75	Giỏi	2.000.000	31310004184696	BIDV
24	1921007336	Lê Thị	Linh	20/3/2001	19DKS02	3,53	86,50	Giỏi	2.000.000	31310001376759	BIDV
25	1921007391	Trần Tuệ	San	18/12/2001	19DKS02	3,46	87,63	Giỏi	2.000.000	31310004184997	BIDV
26	1921003018	Nguyễn Thị	Tâm	09/02/2001	19DKS02	3,37	89,25	Giỏi	2.000.000	14010001742527	BIDV
27	1921007409	Trần Nguyễn Mai	Thương	15/01/2001	19DKS02	3,38	83,75	Giỏi	2.000.000	14410000270980	BIDV
28	1921007280	Nguyễn Thị Hồng	Anh	25/5/2001	19DKS03	3,44	87,63	Giỏi	2.000.000	1030610131	Vietcombank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
29	1921007283	Võ Hoàng Kỳ	Anh	20/9/2001	19DKS03	3,56	89,88	Giỏi	2.000.000	31310004184474	BIDV
30	1921007337	Lê Thị Thùy	Linh	16/10/2001	19DKS03	3,62	89,00	Giỏi	2.000.000	31310001386208	BIDV
31	1921007338	Lý Ngọc	Linh	04/4/2001	19DKS03	3,29	84,38	Giỏi	2.000.000	31310001406425	BIDV
32	1921007372	Vũ Thị Hồng	Nhung	02/8/2001	19DKS03	3,26	81,00	Giỏi	2.000.000	31310004184890	BIDV
33	1921007387	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	08/02/2001	19DKS03	3,41	81,75	Giỏi	2.000.000	31310001556047	BIDV
34	1921007422	Cao Thị Thanh	Trúc	02/6/2001	19DKS03	3,48	81,63	Giỏi	2.000.000	31310001386174	BIDV
35	1921002945	Phùng Thạch	Thảo	16/3/2001	19DQN01	3,41	86,38	Giỏi	2.000.000	19036842489011	Techcombank
36	1921007588	Lâm Thị Thu	Thủy	17/12/2001	19DQN01	3,36	85,00	Giỏi	2.000.000	0181003660120	Vietcombank
37	1921003096	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	02/11/2000	19DQN01	3,61	86,63	Giỏi	2.000.000	1032961263	VIETCOMBANK
38	1921007438	Nguyễn Thị Quế	An	12/8/2001	19DQN02	3,49	80,13	Giỏi	2.000.000	31310004185228	BIDV
39	1921007445	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/5/2001	19DQN02	3,59	83,75	Giỏi	2.000.000	31310004185255	BIDV
40	1921007448	Trần Kim	Anh	06/5/2001	19DQN02	3,37	90,50	Giỏi	2.000.000	296519091999	VP Bank
41	1921007547	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/02/2001	19DQN02	3,50	88,50	Giỏi	2.000.000	31310001226340	BIDV
42	1921007447	Phạm Hoàng	Anh	07/9/2001	19DQN03	3,37	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001271438	BIDV
43	1921002937	Huỳnh Minh	Trung	14/10/2001	CLC_19DKS01	3,40	87,25	Giỏi	2.000.000	31310001426557	BIDV
44	1921007238	Nguyễn Mạnh	Tiến	19/5/2001	CLC_19DKS03	3,27	87,13	Giỏi	2.000.000	31310001426575	BIDV
	Cộng:	44	Sinh viên						88.000.000		
III	Khoa Kế toán - Kiểm toán										
1	1921004853	Lê Thị Thúy	Hằng	28/9/2001	19DKT1	3,25	91,88	Giỏi	2.000.000	31310001288474	BIDV
2	1921004860	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/9/2001	19DKT1	3,24	86,25	Giỏi	2.000.000	31310001288508	BIDV
3	1921004864	Huỳnh Kiều	Huế	02/01/2001	19DKT1	3,26	82,75	Giỏi	2.000.000	1121002557011	An Bình
4	1921004882	Nguyễn Thị Hồng	Loan	04/12/2001	19DKT1	3,52	90,88	Giỏi	2.000.000	104870026640	VietinBank
5	1921002609	Lê Thị Thanh	Mận	15/9/2001	19DKT1	3,37	90,38	Giỏi	2.000.000	0271001095268	Vietcombank
6	1921004889	Nguyễn Thị Trà	My	25/12/2001	19DKT1	3,38	89,75	Giỏi	2.000.000	101872002419	Vietinbank
7	1921004892	Tất Hồng	My	04/11/2001	19DKT1	3,38	90,38	Giỏi	2.000.000	1029359865	Vietcombank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
8	1921004893	Nguyễn Thị	Nga	24/8/2000	19DKT1	3,27	84,71	Giỏi	2.000.000	0441000816212	Vietcombank
9	1921004896	Nguyễn Thị Kim	Ngân	04/5/2001	19DKT1	3,45	83,50	Giỏi	2.000.000	31310001386253	BIDV
10	1921004900	Dương Thảo	Nguyên	22/8/2001	19DKT1	3,39	92,75	Giỏi	2.000.000	4602220006816	Agribank
11	1921004934	Nguyễn Trang Hoàng	Thi	07/11/2001	19DKT1	3,28	83,38	Giỏi	2.000.000	060242037750	Sacombank
12	1921004935	Phạm Thị Kim	Thông	24/6/2001	19DKT1	3,38	86,25	Giỏi	2.000.000	31310001555886	BIDV
13	1921004938	Lê Anh	Thư	27/02/2001	19DKT1	3,29	87,63	Giỏi	2.000.000	31310001431764	BIDV
14	1921004961	Trần Mai	Trúc	06/4/2001	19DKT1	3,31	81,63	Giỏi	2.000.000	31310004180117	BIDV
15	1921004844	Phan Nguyễn Thùy	Dương	05/3/2001	19DKT2	3,35	88,75	Giỏi	2.000.000	31310001386350	BIDV
16	1921004848	Phạm Trúc	Giang	05/5/2001	19DKT2	3,21	89,25	Giỏi	2.000.000	31310001556409	BIDV
17	1921004854	Tổng Khánh	Hằng	23/10/2001	19DKT2	3,34	82,00	Giỏi	2.000.000	4005205311287	Agribank
18	1921004879	Nguyễn Thị Trúc	Linh	13/8/2001	19DKT2	3,42	89,63	Giỏi	2.000.000	31310001386299	BIDV
19	1921004891	Phan Thị Tú	My	07/01/2001	19DKT2	3,37	86,63	Giỏi	2.000.000	103870575034	VietinBank
20	1921006640	Nguyễn Thị Mộng	Như	03/5/2001	19DKT2	3,35	85,50	Giỏi	2.000.000	700022905305	SHINHAN
21	1921004937	Đỗ Huỳnh Anh	Thư	30/6/2001	19DKT2	3,24	82,00	Giỏi	2.000.000	07624709401	Tiên Phong Bank
22	1921004949	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/7/2001	19DKT2	3,23	83,00	Giỏi	2.000.000	0881000482831	VCB
23	1921004953	Nguyễn Đoàn Bảo	Trân	24/01/2001	19DKT2	3,54	89,38	Giỏi	2.000.000	0010115603607	MB Bank
24	1921004857	Dương Thị	Hiên	05/01/2001	19DAC1	3,52	86,88	Giỏi	2.000.000	31310001294666	BIDV
25	1921002596	Ngô Phương	Minh	01/9/2001	19DAC1	3,33	82,00	Giỏi	2.000.000	1023642537	Vietcombank
26	1921004898	Vũ Thị Kim	Ngân	07/8/2001	19DAC1	3,44	89,25	Giỏi	2.000.000	31310001385524	BIDV
27	1921004956	Huỳnh Thái Thị Kiều	Trang	09/12/2001	19DAC1	3,32	86,13	Giỏi	2.000.000	4306205423494	Agribank
28	1921004845	Thái Khánh	Duy	06/6/2001	19DAC2	3,35	83,50	Giỏi	2.000.000	1017066931	Vietcombank
29	1921002640	Hồ Xuân	Giao	01/02/2001	19DAC2	3,30	80,38	Giỏi	2.000.000	6700205513881	Agribank
30	1921004852	Dương Thị Thu	Hằng	01/4/2001	19DAC2	3,23	80,25	Giỏi	2.000.000	19036657365012	Techcombank
31	1921004923	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	25/8/2001	19DAC2	3,42	91,38	Giỏi	2.000.000	31310001226386	BIDV
32	1921004955	Đặng Minh	Trang	20/8/2001	19DAC2	3,24	90,13	Giỏi	2.000.000	0281000656363	VCB

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng	
33	1921004973	Huỳnh	Nh Thị Khả	Nh Vi	22/10/2001	19DAC2	3,50	81,50	Giỏi	2.000.000	31419217	ACB
34	1921006476	Nguyễn	Hoàng	Anh	18/11/2001	CLC_19DKT01	3,22	80,00	Giỏi	2.000.000	060223954467	Sacombank
35	1921006480	Chu	Thị Ngọc	Ánh	04/7/2001	CLC_19DKT01	3,29	82,50	Giỏi	2.000.000	31310001388727	BIDV
36	1921006528	Ngô	Triệu	Mẫn	24/9/2001	CLC_19DKT02	3,65	85,50	Giỏi	2.000.000	31310001353080	BIDV
37	1921004952	Lý	Ngọc	Trân	27/11/2001	CLC_19DKT02	3,54	82,63	Giỏi	2.000.000	31310001426593	BIDV
38	1921006610	Nguyễn	Ngọc Bảo	Trân	21/6/2001	CLC_19DKT02	3,33	84,75	Giỏi	2.000.000	31310001388745	BIDV
39	1921004173	Nguyễn	Lê Ngọc	Bích	08/9/2001	CLC_19DKT03	3,36	94,00	Giỏi	2.000.000	31310001388772	BIDV
40	1921006485	Lê	Thị Cẩm	Chi	05/10/2001	CLC_19DKT03	3,40	87,25	Giỏi	2.000.000	060255210842	Sacombank
41	1921004921	Ngô	Minh	Tài	20/4/2001	CLC_19DKT03	3,23	80,00	Giỏi	2.000.000	31310001556287	BIDV
	Cộng:	41	Sinh viên							82.000.000		
IV	Khoa Marketing											
1	1921000809	Phan	Hoài	An	09/5/2001	19DMA1	3,52	92,63	Giỏi	2.000.000	31310001401855	BIDV
2	1921003867	Nguyễn	Thị Vân	Anh	20/8/2000	19DMA1	3,42	98,38	Giỏi	2.000.000	31310001606951	BIDV
3	1921003868	Châu	Ngọc Trang	Đoan	16/12/2001	19DMA1	3,53	92,13	Giỏi	2.000.000	31310001431667	BIDV
4	1921000769	Ngô	Ngân	Hà	24/01/2001	19DMA1	3,25	83,13	Giỏi	2.000.000	6611205141660	Agribank
5	1921003872	Nguyễn	Hoàng Gia	Hân	01/4/2001	19DMA2	3,42	88,25	Giỏi	2.000.000	31310001352421	BIDV
6	1921003881	Nguyễn	Hoàng	Ly	16/9/2001	19DMA2	3,48	84,38	Giỏi	2.000.000	31310001261819	BIDV
7	1921001049	Võ	Ngọc	Tiếng	06/01/2001	19DMA2	3,28	88,50	Giỏi	2.000.000	31310001515622	BIDV
8	1921001219	Hoàng	Thị Huyền	Trang	07/7/2001	19DMA2	3,48	92,63	Giỏi	2.000.000	31310001257155	BIDV
9	1921001282	Trần	Thị Ngọc	Triều	23/4/2001	19DMA2	3,35	88,38	Giỏi	2.000.000	31310001431700	BIDV
10	1921001238	Phạm	Ngọc Thảo	Vân	31/3/2001	19DMA2	3,26	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001257191	BIDV
11	1921000771	Nguyễn	Quốc	Việt	26/9/2001	19DMA2	3,27	88,00	Giỏi	2.000.000	31310001431658	BIDV
12	1921001202	Nguyễn	Thị Thùy	Dương	07/4/2001	19DQH1	3,42	83,00	Giỏi	2.000.000	102870212771	Vietinbank
13	1921000989	Đặng	Hồng	Phát	22/4/2001	19DQH1	3,33	90,63	Giỏi	2.000.000	31310001559985	BIDV
14	1921000821	Nguyễn	Như	Quỳnh	04/02/2001	19DQH1	3,27	90,50	Giỏi	2.000.000	04318843601	Tiền Phong Bank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
15	1921000862	Nguyễn Vương Minh	Thy	06/01/2001	19DQH1	3,24	87,38	Giỏi	2.000.000	31310001405811	BIDV
16	1921001263	Trương Thị Thùy	Trang	06/01/2001	19DQH1	3,40	90,50	Giỏi	2.000.000	31310001293797	BIDV
17	1921001009	Nguyễn Hồ Diễm	Khương	20/8/2001	19DQH2	3,35	91,86	Giỏi	2.000.000	0671004155045	VCB
18	1921000687	Lê Thị Hà	Mi	19/10/2001	19DQH2	3,47	91,57	Giỏi	2.000.000	31310001296398	BIDV
19	1921000790	Dương Ngọc	Xuyến	01/01/2001	19DQH2	3,46	89,88	Giỏi	2.000.000	31310001431533	BIDV
20	1921000990	Nguyễn Thúy	Ái	09/4/2001	19DMC1	3,38	92,13	Giỏi	2.000.000	7505205215603	Agribank
21	1921000978	Hồ Thị	Long	01/12/2001	19DMC1	3,50	86,88	Giỏi	2.000.000	31310001256815	BIDV
22	1921000841	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ngân	30/5/2001	19DMC1	3,49	89,13	Giỏi	2.000.000	31310001296787	BIDV
23	1921000695	Nguyễn Hồng	Trâm	16/11/2001	19DMC1	3,31	89,38	Giỏi	2.000.000	1017276162	Vietcombank
24	1921001020	Nguyễn Thị Nhã	Trâm	03/01/2001	19DMC1	3,46	88,13	Giỏi	2.000.000	0010116217908	MB BANK
25	1921001138	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	26/02/2001	19DMC1	3,26	90,38	Giỏi	2.000.000	0881000485804	Vietcombank
26	1921001240	Lê Thị Hoàng	Anh	18/01/2001	19DMC2	3,48	92,00	Giỏi	2.000.000	31310001257216	BIDV
27	1921000741	Bùi Thị Thu	Hậu	02/6/2001	19DMC2	3,51	91,63	Giỏi	2.000.000	31310001296477	BIDV
28	1921000755	Vũ Thị Thanh	Loan	02/11/2001	19DMC2	3,43	91,13	Giỏi	2.000.000	36810000513429	BIDV
29	1921000770	Tạ Tố	Như	11/4/2001	19DMC2	3,20	90,00	Giỏi	2.000.000	19036855540016	Techcombank
30	1921000664	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh	25/01/2001	19DMC3	3,23	89,13	Giỏi	2.000.000	13510001181344	BIDV
31	1921000845	Nguyễn Trọng	Khang	20/8/2001	19DMC3	3,40	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001557615	BIDV
32	1921001221	Nguyễn Hồng Ngọc	Mỹ	28/8/2001	19DMC3	3,43	89,75	Giỏi	2.000.000	104872657320	Vietinbank
33	1921001218	Phạm Thị Thùy	Nga	26/01/2001	19DMC3	3,39	89,00	Giỏi	2.000.000	103870026638	VietinBank
34	1921001085	Tăng Minh	Thảo	25/11/2001	19DMC3	3,40	88,63	Giỏi	2.000.000	13510001137930	BIDV
35	1921000876	Hoàng Thị	Thúy	28/10/2001	19DMC3	3,21	86,88	Giỏi	2.000.000	65210001357491	BIDV
36	1921000696	Phạm Ngọc Thúy	Vy	16/02/2001	19DMC3	3,59	92,88	Giỏi	2.000.000	31310001226298	BIDV
37	1921001004	Huỳnh Nguyễn Kim	Yến	17/8/2001	19DMC3	3,26	85,00	Giỏi	2.000.000	101870346309	VietinBank
38	1921001379	Lê	Huy	06/01/2001	CLC_19DMA01	3,39	83,00	Giỏi	2.000.000	31310001388790	BIDV
39	1921005525	Trà Thụy Trúc	Mai	15/01/2001	CLC_19DMA01	3,32	91,63	Giỏi	2.000.000	31310001388806	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
40	1921001306	Tăng Vĩnh Phương	Nghi	27/9/2001	CLC_19DMA01	3,24	81,13	Giỏi	2.000.000	29825637	ACB
41	1921001375	Lê Hà	Phương	03/4/2001	CLC_19DMA01	3,49	92,50	Giỏi	2.000.000	31310001388824	BIDV
42	1921001341	Nguyễn Hồng	Thảo	06/11/2001	CLC_19DMA01	3,20	81,63	Giỏi	2.000.000	0962269227	Tiên Phong Bank
43	1921001383	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/3/2001	CLC_19DMA01	3,29	81,75	Giỏi	2.000.000	31810000406931	BIDV
44	1921005747	Đoàn Tâm	Từ	13/9/2001	CLC_19DMA01	3,20	81,63	Giỏi	2.000.000	0081001321663	Vietcombank
45	1921001339	Phùng Nhã	Vy	22/3/2001	CLC_19DMA01	3,43	81,50	Giỏi	2.000.000	050109565161	Sacombank
46	1921005569	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyên	04/4/2001	CLC_19DMA02	3,21	82,50	Giỏi	2.000.000	0869340315	MB Bank
47	1921005648	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	11/3/2001	CLC_19DMA02	3,52	91,38	Giỏi	2.000.000	31310001291588	BIDV
48	1921005725	Lương Trần Nhật	Trang	15/9/2001	CLC_19DMA02	3,39	93,63	Giỏi	2.000.000	31310001291834	BIDV
49	1921005363	Trần Hà Vân	Anh	29/6/2001	CLC_19DMA03	3,25	85,63	Giỏi	2.000.000	31310001389933	BIDV
50	1921005420	Nguyễn Mỹ	Hạnh	22/10/2001	CLC_19DMA03	3,23	90,75	Giỏi	2.000.000	31310001557262	BIDV
51	1921005550	Trần Bảo	Ngân	19/02/2001	CLC_19DMA03	3,27	89,38	Giỏi	2.000.000	18810000340731	BIDV
52	1921005555	Phạm Như Thảo	Ngọc	10/01/2001	CLC_19DMA03	3,46	92,75	Giỏi	2.000.000	31310004180348	BIDV
53	1921005586	Nguyễn Lê Ý	Nhi	30/9/2001	CLC_19DMA03	3,30	84,13	Giỏi	2.000.000	0071001323943	Vietcombank
54	1921005595	Lý Gia	Như	14/3/2001	CLC_19DMA03	3,41	92,75	Giỏi	2.000.000	31310001266221	BIDV
55	1921005602	Tôn Nữ Phụng	Như	31/3/2001	CLC_19DMA03	3,28	85,00	Giỏi	2.000.000	31310001607097	BIDV
56	1921005403	Lâm Mỹ	Duyên	06/02/2001	CLC_19DMA04	3,46	81,50	Giỏi	2.000.000	31310001388930	BIDV
57	1921005461	Nguyễn Thụy Như	Khanh	14/9/2001	CLC_19DMA04	3,26	80,38	Giỏi	2.000.000	31310001624120	BIDV
58	1921005588	Nguyễn Thị Lan	Nhi	16/10/2001	CLC_19DMA04	3,38	90,88	Giỏi	2.000.000	17910000236001	BIDV
59	1921005698	Trần Thị Anh	Thùy	03/4/2001	CLC_19DMA04	3,33	87,25	Giỏi	2.000.000	03755682101	Tiên Phong Bank
60	1921005730	Nguyễn Thu	Trang	24/8/2001	CLC_19DMA04	3,38	88,63	Giỏi	2.000.000	31310001557226	BIDV
61	1921005377	Nguyễn Thị Huyền	Châu	20/11/2001	CLC_19DMA05	3,25	93,50	Giỏi	2.000.000	31310001556870	BIDV
62	1921005393	Nguyễn Công	Đức	19/01/2001	CLC_19DMA05	3,64	88,38	Giỏi	2.000.000	31310001265671	BIDV
63	1921005459	Phạm Dương Hoàng	Khang	05/5/2001	CLC_19DMA05	3,29	84,50	Giỏi	2.000.000	19038507822019	TECHCOMBANK
64	1921005469	Phạm Ngô Đăng	Khoa	28/3/2001	CLC_19DMA05	3,25	87,00	Giỏi	2.000.000	31310001388967	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
65	1921005534	Võ Nguyễn Trà	My	08/6/2001	CLC_19DMA05	3,36	90,63	Giỏi	2.000.000	31310001377567	BIDV
66	1921005570	Phạm Thảo	Nguyên	25/12/2001	CLC_19DMA05	3,52	96,25	Giỏi	2.000.000	1024296696	Vietcombank
67	1921005581	Hồ Phạm Hoàng	Nhi	17/11/2001	CLC_19DMA05	3,53	88,88	Giỏi	2.000.000	31310001266188	BIDV
68	1921005706	Hồ Đắc Trung	Tín	06/3/2001	CLC_19DMA05	3,33	89,25	Giỏi	2.000.000	19036809838019	Techcombank
69	1921004404	Phạm Nguyễn Mỹ	Hòa	10/10/2001	CLC_19DMA06	3,30	86,63	Giỏi	2.000.000	0543 7012 701	Tiên Phong Bank
70	1921005627	Hà Ngọc Trúc	Quỳnh	13/4/2001	CLC_19DMA06	3,39	89,88	Giỏi	2.000.000	31310001556144	BIDV
71	1921005705	Trần Quốc	Tiến	20/7/2001	CLC_19DMA06	3,40	94,25	Giỏi	2.000.000	31310001389012	BIDV
72	1921005720	Nguyễn Phan Bảo	Trân	03/10/2001	CLC_19DMA06	3,57	87,38	Giỏi	2.000.000	1014071585	Vietcombank
73	1921005553	Nguyễn Trần Bảo	Nghi	11/7/2001	CLC_19DMA07	3,37	81,88	Giỏi	2.000.000	31310001389058	BIDV
74	1921005693	Nguyễn Minh	Thúy	13/3/2001	CLC_19DMA07	3,22	95,88	Giỏi	2.000.000	106869253106	Vietinbank
75	1921003525	Dương Hải	Huỳnh	04/12/2001	CLC_19DMA08	3,42	87,50	Giỏi	2.000.000	31310001556108	BIDV
76	1921005357	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	07/3/2001	CLC_19DMA09	3,25	86,63	Giỏi	2.000.000	18810000179829	BIDV
77	1921005508	Võ Nguyễn Mỹ	Linh	08/7/2001	CLC_19DMA09	3,27	85,75	Giỏi	2.000.000	8007041073788	Viet Capital Bank
78	1921005761	Lê Diệu Thảo	Uyên	02/8/2001	CLC_19DMA10	3,38	81,25	Giỏi	2.000.000	19034815681013	Techcombank
79	1921003955	Tân Bội	Hiền	18/10/2001	CLC_19DMA11	3,29	86,38	Giỏi	2.000.000	31310001240553	BIDV
80	1921004506	Nguyễn Huỳnh Hải	My	19/11/2001	CLC_19DMA11	3,40	86,75	Giỏi	2.000.000	31310001389119	BIDV
81	1921003887	Tạ Kim	Như	17/3/2001	CLC_19DMA11	3,39	86,00	Giỏi	2.000.000	31310001245442	BIDV
82	1921000897	Lê Thị Mai	Quế	19/6/2001	CLC_19DMA11	3,47	91,88	Giỏi	2.000.000	31310001246339	BIDV
83	1921005750	Nguyễn Minh	Tuấn	21/5/2001	CLC_19DMA12	3,32	84,50	Giỏi	2.000.000	31310001266568	BIDV
	Cộng:	83	Sinh viên						166.000.000		
V	Khoa Ngoại ngữ										
1	1921000036	Nguyễn Thị Kim	Hợp	12/3/2001	19DTA01	3,23	84,75	Giỏi	2.000.000	31310001606623	BIDV
2	1921003230	Phan Quốc	Hưng	11/02/2001	19DTA01	3,24	88,13	Giỏi	2.000.000	53217340616	Tiên Phong Bank
3	1921000056	Lê Thị Thảo	Nguyên	15/8/2001	19DTA01	3,20	91,88	Giỏi	2.000.000	31310001226687	BIDV
4	1921003325	Đào Mỹ	Thảo	01/12/2000	19DTA01	3,28	80,75	Giỏi	2.000.000	31310001426131	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
5	1921000081	Hồ Thị Phương	Thảo	04/02/2001	19DTA01	3,50	83,25	Giỏi	2.000.000	31310001426140	BIDV
6	1921003332	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	10/9/2001	19DTA01	3,45	89,50	Giỏi	2.000.000	31310001377600	BIDV
7	1921003202	Lê Minh	Duy	20/7/2001	19DTA02	3,30	95,50	Giỏi	2.000.000	31310001260083	BIDV
8	1921003255	Phùng Lê Gia	Linh	17/12/2001	19DTA02	3,35	92,50	Giỏi	2.000.000	31310001426168	BIDV
9	1921003265	Trương Diệu Kiều	My	17/6/2001	19DTA02	3,26	89,25	Giỏi	2.000.000	0431000273159	Vietcombank
10	1921003297	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	14/01/2001	19DTA02	3,23	88,38	Giỏi	2.000.000	4511205076839	Agribank
11	1921003329	Nguyễn Phương	Thảo	30/8/2001	19DTA02	3,25	91,00	Giỏi	2.000.000	63210000505404	BIDV
12	1921003181	Bùi Lê Lan	Anh	07/8/2001	19DTA03	3,21	80,50	Giỏi	2.000.000	31310001607398	BIDV
13	1921003269	Nguyễn Hoàng Phươn	Ngân	15/7/2001	19DTA03	3,28	85,13	Giỏi	2.000.000	31310001283309	BIDV
14	1921003218	Nguyễn Thị Nhã	Hân	20/02/2001	19DTA04	3,25	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001387557	BIDV
15	1921003247	Nguyễn Đình	Khôi	02/3/2001	19DTA04	3,26	82,63	Giỏi	2.000.000	16810000397962	BIDV
16	1921003335	Nguyễn Đạt	Thịnh	03/01/2001	19DTA04	3,32	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001387566	BIDV
	Cộng:	16	Sinh viên						32.000.000		
VI	Khoa Quản trị kinh doanh										
1	1921003500	Võ Văn	Hoàng	22/01/2001	19DQT1	3,24	88,13	Giỏi	2.000.000	31310001375862	BIDV
2	1921003652	Võ Thị Quỳnh	Như	26/10/2001	19DQT1	3,36	85,63	Giỏi	2.000.000	31310001275467	BIDV
3	1921003697	Nguyễn Thu	Quỳnh	01/5/2001	19DQT1	3,47	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001261235	BIDV
4	1921000491	Nguyễn Minh	Tân	08/12/2001	19DQT1	3,32	85,88	Giỏi	2.000.000	31310001386785	BIDV
5	1921003789	Đỗ Thùy	Trang	27/7/2001	19DQT1	3,27	86,63	Giỏi	2.000.000	04195509201	Tiên Phong Bank
6	1921003798	Phạm Thị Thu	Trang	18/6/2001	19DQT1	3,46	89,38	Giỏi	2.000.000	1014923936	Vietcombank
7	1921003807	Lê Thị Trúc	Trình	10/6/2001	19DQT1	3,37	90,50	Giỏi	2.000.000	0881000481614	vietcombank
8	1921003864	Dương Bảo	Yến	17/9/2001	19DQT1	3,28	80,75	Giỏi	2.000.000	1025397472	Vietcombank
9	1921000543	Trương Thị Trúc	Ly	16/6/2001	19DQT2	3,42	88,50	Giỏi	2.000.000	31310001606784	BIDV
10	1921000406	Nguyễn Thị Thảo	Ngọc	21/3/2001	19DQT2	3,23	84,25	Giỏi	2.000.000	050118617158	SACOMBANK
11	1921003710	Nguyễn Văn	Tam	09/6/2001	19DQT2	3,29	93,00	Giỏi	2.000.000	31310001386943	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
12	1921003803	Vũ Trọng Cao	Trí	19/02/2001	19DQT2	3,48	94,00	Giỏi	2.000.000	52110000180936	BIDV
13	1921003844	Trần Thị Trường	Vi	15/10/2001	19DQT2	3,53	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001274534	BIDV
14	1921003865	Phan Thị Hồng	Yến	29/8/2001	19DQT2	3,35	82,25	Giỏi	2.000.000	31310001390120	BIDV
15	1921000220	Moọc Nhục	Chánh	09/01/2001	19DQT3	3,30	81,00	Giỏi	2.000.000	0881000482313	Vietcombank
16	1921003502	Lê Thị Thanh	Huệ	05/02/2001	19DQT3	3,43	85,13	Giỏi	2.000.000	31310001387007	BIDV
17	1921000246	Nguyễn Hoàng	Huy	14/12/2001	19DQT3	3,24	80,38	Giỏi	2.000.000	6705267144400	Agribank
18	1921003632	Đặng Thanh Minh	Nhật	30/9/2001	19DQT3	3,31	81,50	Giỏi	2.000.000	19031533437013	Techcombank
19	1921003655	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/4/2001	19DQT3	3,33	87,63	Giỏi	2.000.000	31310001284524	BIDV
20	1921003666	Hoàng Vũ Như	Phụng	18/02/2001	19DQT3	3,35	86,63	Giỏi	2.000.000	31310001284579	BIDV
21	1921003404	Nguyễn Huệ Lan	Anh	10/8/2001	19DQT4	3,20	92,25	Giỏi	2.000.000	0881000487983	VCB
22	1921003461	Nguyễn Hoài Bảo	Duy	29/6/2001	19DQT4	3,27	88,38	Giỏi	2.000.000	0394532906	VP Bank
23	1921003481	Hồ Thị	Hạnh	26/10/2001	19DQT4	3,20	88,50	Giỏi	2.000.000	0881000481616	VCB
24	1921003523	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	19/02/2001	19DQT4	3,37	88,50	Giỏi	2.000.000	31310001387140	BIDV
25	1921003534	Lê Trường Tấn	Khoa	30/9/2001	19DQT4	3,22	83,25	Giỏi	2.000.000	04186537701	Tiên Phong Bank
26	1921003621	Lê Gia Tâm	Nguyên	01/7/2001	19DQT4	3,26	88,25	Giỏi	2.000.000	31310001362697	BIDV
27	1921003681	Trần Khánh	Quân	07/01/2001	19DQT4	3,31	82,75	Giỏi	2.000.000	31310001275485	BIDV
28	1921003721	Nguyễn Minh	Thắng	21/4/2001	19DQT4	3,44	93,25	Giỏi	2.000.000	31310001426201	BIDV
29	1921000556	Lê Thị Anh	Thư	14/6/2001	19DQT4	3,25	83,50	Giỏi	2.000.000	016704070008992	HD Bank
30	1921003805	Cao Kiều	Trinh	20/3/2001	19DQT4	3,43	82,13	Giỏi	2.000.000	28168037	ACB
31	1921003824	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	10/01/2001	19DQT4	3,28	87,00	Giỏi	2.000.000	31310001284977	BIDV
32	1921003842	Võ Thị Thanh	Vân	12/12/1996	19DQT4	3,48	83,88	Giỏi	2.000.000	05166648301	Tiên Phong Bank
33	1921003859	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	24/3/2001	19DQT4	3,41	82,13	Giỏi	2.000.000	1023322585	Vietcombank
34	1921000559	Nguyễn Thị Thúy	Bình	22/12/2001	19DQT5	3,35	92,25	Giỏi	2.000.000	31410003901747	BIDV
35	1921000244	Đào Vũ Quỳnh	Duyên	04/9/2001	19DQT5	3,25	85,00	Giỏi	2.000.000	31310001269327	BIDV
36	1921003458	Nguyễn Thị Hải	Đường	03/10/2001	19DQT5	3,20	84,88	Giỏi	2.000.000	31310001606243	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
37	1921000211	Trương Thị Cẩm	Ly	16/6/2001	19DQT5	3,50	91,38	Giỏi	2.000.000	31310001226951	BIDV
38	1921003695	Nguyễn Như	Quỳnh	05/10/2001	19DQT5	3,30	81,75	Giỏi	2.000.000	0394817511	MB bank
39	1921003730	Đào Thị Thu	Thảo	24/4/2001	19DQT5	3,39	89,63	Giỏi	2.000.000	31310001284719	BIDV
40	1921000209	Võ Minh	Vui	20/3/2001	19DQT5	3,37	90,50	Giỏi	2.000.000	31310004186027	BIDV
41	1921000336	Phan Hải	Yến	04/9/2001	19DQT5	3,35	94,75	Giỏi	2.000.000	31310001377132	BIDV
42	1921003762	Võ Nguyễn Anh	Thư	23/4/2001	19DBH1	3,34	82,88	Giỏi	2.000.000	31310001261387	BIDV
43	1921003411	Vũ Trọng	Anh	08/12/2001	19DBH2	3,22	86,13	Giỏi	2.000.000	31310001513316	BIDV
44	1921003617	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	24/9/2001	19DBH2	3,32	80,57	Giỏi	2.000.000	36810000470551	BIDV
45	1921003672	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	09/10/2001	19DBH2	3,51	88,38	Giỏi	2.000.000	4906205074834	Agribank
46	1921000545	Nguyễn Thị Minh	Anh	27/02/2001	19DBH3	3,31	83,75	Giỏi	2.000.000	4000944500531	VP Bank
47	1921003465	Trần Thị Mai	Duyên	15/9/2001	19DBH3	3,24	82,38	Giỏi	2.000.000	9842597697	Vietcombank
48	1921000361	Trần Lê Nhật	Hồng	10/01/2001	19DBH3	3,24	85,50	Giỏi	2.000.000	31310001555822	BIDV
49	1921000456	Phạm Mỹ	Huyền	24/02/2001	19DBH3	3,45	91,25	Giỏi	2.000.000	31310001295997	BIDV
50	1921000350	Trần Thị Cẩm	Nguyên	01/02/2001	19DBH3	3,24	81,00	Giỏi	2.000.000	1019303385	Vietcombank
51	1921003668	Phạm Thị Thanh	Phụng	19/02/2001	19DBH3	3,43	88,00	Giỏi	2.000.000	31310001431551	BIDV
52	1921003774	Nguyễn Thu	Thủy	23/10/2001	19DBH3	3,27	84,25	Giỏi	2.000.000	31310001557402	BIDV
53	1921003828	Huỳnh Thị Phương	Uyên	01/6/2001	19DBH3	3,39	85,14	Giỏi	2.000.000	1012958072	Vietcombank
54	1921000145	Trương Dương Kim	Ngân	01/01/2001	19DDA	3,31	87,00	Giỏi	2.000.000	31310001385728	BIDV
55	1921003791	Lê Huyền	Trang	01/7/2001	19DDA	3,32	84,38	Giỏi	2.000.000	31310001261509	BIDV
56	1921003826	Châu Thị Bích	Uyên	04/8/2001	19DDA	3,23	84,00	Giỏi	2.000.000	31310001284995	BIDV
57	1921005151	Phan Quỳnh	Nhi	28/4/2001	CLC_19DQT01	3,57	86,38	Giỏi	2.000.000	31310001389951	BIDV
58	1921005223	Nguyễn Ngọc	Tiên	24/4/2001	CLC_19DQT01	3,25	88,38	Giỏi	2.000.000	31310001389137	BIDV
59	1921005287	Nguyễn Hoàng Phươn	Vy	01/10/2001	CLC_19DQT01	3,31	82,88	Giỏi	2.000.000	31310001290497	BIDV
60	1921005088	Lê Anh	Khoa	02/5/2001	CLC_19DQT03	3,59	84,50	Giỏi	2.000.000	31310001389155	BIDV
61	1921005011	Đặng Đình	Chiến	15/9/2001	CLC_19DQT04	3,30	87,25	Giỏi	2.000.000	31310001426779	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
62	1921005265	Phan Quỳnh	Uyên	08/6/2001	CLC_19DQT04	3,28	86,63	Giỏi	2.000.000	31310001389164	BIDV
63	1921003734	Mai Nguyễn Hiền	Thảo	06/6/2001	CLC_19DQT07	3,30	82,38	Giỏi	2.000.000	9766443443	VCB
64	1921003748	Nguyễn Đắc	Thiện	12/8/2001	CLC_19DQT07	3,42	90,63	Giỏi	2.000.000	31310001284816	BIDV
65	1921005244	Trương Hải	Trí	13/10/2001	CLC_19DQT07	3,32	84,63	Giỏi	2.000.000	31310001431542	BIDV
66	1921003462	Nguyễn Hoàng	Duy	24/7/2001	CLC_19DQT08	3,29	87,63	Giỏi	2.000.000	31310001556667	BIDV
67	1921003846	Huỳnh Tử	Vinh	16/02/2001	CLC_19DQT08	3,24	82,75	Giỏi	2.000.000	31310001556278	BIDV
	Cộng:	67	Sinh viên						134.000.000		
VII	Khoa Tài chính - Ngân hàng										
1	1921004388	Nguyễn Thị Thúy	Hào	05/11/2001	19DTC1	3,56	90,75	Giỏi	2.000.000	31310001387645	BIDV
2	1921004385	Phan Ngọc Hồng	Hạnh	14/8/2001	19DTC1	3,37	81,75	Giỏi	2.000.000	31310001607255	BIDV
3	1921002352	Nguyễn Quỳnh	Hương	11/9/2001	19DTC1	3,27	89,25	Giỏi	2.000.000	31310001499470	BIDV
4	1921004484	Lưu Khánh	Ly	23/12/2001	19DTC1	3,35	93,38	Giỏi	2.000.000	0968905674	MB Bank
5	1921004492	Trần Thị Hữu	Lý	06/4/2001	19DTC1	3,32	85,00	Giỏi	2.000.000	31310001362785	BiDV
6	1921004537	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	11/5/2001	19DTC1	3,51	83,63	Giỏi	2.000.000	31310001263523	BIDV
7	1921002364	Phạm Đăng Minh	Nhật	17/6/2001	19DTC1	3,47	95,88	Giỏi	2.000.000	0401001496961	VIETCOMBANK
8	1921004578	Phan Thị Tuyết	Nhung	03/6/2001	19DTC1	3,27	83,50	Giỏi	2.000.000	030620011	Quốc tế
9	1921004599	Nguyễn Hà Minh	Phương	24/8/2001	19DTC1	3,24	83,00	Giỏi	2.000.000	31310001607042	BIDV
10	1921004682	Huỳnh Hoài	Thư	23/01/2001	19DTC1	3,24	86,75	Giỏi	2.000.000	31310001557253	BIDV
11	1921004697	Nguyễn Thị Hoài	Thương	28/4/2001	19DTC1	3,22	80,75	Giỏi	2.000.000	31310001376227	BIDV
12	1921004707	Nguyễn Thủy	Tiên	05/11/2001	19DTC1	3,40	94,25	Giỏi	2.000.000	31310001387593	BIDV
13	1921004747	Phạm Thị Mỹ	Trang	05/6/2001	19DTC1	3,29	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001264049	BIDV
14	1921004730	Lý Nhật Huyền	Trân	24/12/2001	19DTC1	3,59	88,25	Giỏi	2.000.000	31310001287842	BIDV
15	1921004773	Dư Thanh	Tuyền	19/02/2001	19DTC1	3,52	94,38	Giỏi	2.000.000	31310001387618	BIDV
16	1921004768	Văn Thị Cẩm	Tú	05/10/2001	19DTC1	3,27	81,75	Giỏi	2.000.000	1016971884	Vietcombank
17	1921004347	Đặng Thị Thu	Dung	19/8/2001	19DTC2	3,37	81,88	Giỏi	2.000.000	1030816831	Vietcombank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
18	1921004332	Nguyễn Duy	Đăng	09/5/2001	19DTC2	3,35	86,13	Giỏi	2.000.000	4906205073781	Agribank
19	1921004367	Trần Thị Cẩm	Giang	20/4/2001	19DTC2	3,56	88,88	Giỏi	2.000.000	0972864359	MB Bank
20	1921004460	Phạm Bích	Liên	15/6/2001	19DTC2	3,28	83,25	Giỏi	2.000.000	4171841	ACB
21	1921004504	Đặng Thị Trà	My	02/01/2001	19DTC2	3,42	80,88	Giỏi	2.000.000	31310001387690	BIDV
22	1921004549	Nguyễn Thị Thu	Nguyên	06/11/2001	19DTC2	3,26	84,63	Giỏi	2.000.000	0581000787910	Vietcombank
23	1921003671	Nguyễn Lê Anh	Phương	14/10/2001	19DTC2	3,55	84,25	Giỏi	2.000.000	31310001423044	BIDV
24	1921004605	Vũ Thị	Phương	15/6/2001	19DTC2	3,55	91,75	Giỏi	2.000.000	31310001606720	BIDV
25	1921004620	Trương Hoàng	Quyên	05/7/2001	19DTC2	3,31	84,00	Giỏi	2.000.000	31310001426292	BIDV
26	1921004649	Hà Phương	Thanh	14/11/2001	19DTC2	3,38	86,13	Giỏi	2.000.000	31310001387733	BIDV
27	1921004709	Phan Thị Thủy	Tiên	14/7/2001	19DTC2	3,54	87,63	Giỏi	2.000.000	31310001387760	BIDV
28	1921004812	Nguyễn Thị Trúc	Vy	19/5/2001	19DTC2	3,36	84,25	Giỏi	2.000.000	1018490544	Vietcombank
29	1921004295	Phạm Hoàng Trâm	Anh	21/10/2001	19DTC3	3,44	86,63	Giỏi	2.000.000	31310001286380	BIDV
30	1921004316	Trương Thái	Cầm	30/10/2001	19DTC3	3,39	94,13	Giỏi	2.000.000	31310001606766	BIDV
31	1921004348	Trần Thị	Dung	30/4/2001	19DTC3	3,25	86,13	Giỏi	2.000.000	1028228587	VCB
32	1921002425	Tổng Nguyễn Phú	Hào	02/7/2001	19DTC3	3,23	90,50	Giỏi	2.000.000	69610000286112	BIDV
33	1921004378	Vũ Hoàng Gia	Hân	19/9/2001	19DTC3	3,26	82,25	Giỏi	2.000.000	31310001606748	BIDV
34	1921002465	Phan Thị Thảo	Nhi	09/6/2001	19DTC3	3,44	90,25	Giỏi	2.000.000	7105205259548	Agribank
35	1921002556	Nguyễn Thị Mỹ	Phi	16/3/2001	19DTC3	3,40	86,25	Giỏi	2.000.000	31310001387928	BIDV
36	1921004676	Trần Thị Thu	Thi	03/6/2001	19DTC3	3,59	92,38	Giỏi	2.000.000	31310001287675	BIDV
37	1921004703	Nguyễn Minh	Thy	10/7/2001	19DTC3	3,38	86,25	Giỏi	2.000.000	31310001263921	BIDV
38	1921004710	Võ Thị Cẩm	Tiên	23/4/2001	19DTC3	3,48	85,75	Giỏi	2.000.000	6902205339471	Agribank
39	1921004772	Lê Thị Kim	Tuyến	17/02/2001	19DTC3	3,22	89,25	Giỏi	2.000.000	16810000415147	BIDV
40	1921004800	Trần Thảo	Vi	22/10/2001	19DTC3	3,35	87,75	Giỏi	2.000.000	31310001387830	BIDV
41	1921004293	Nguyễn Thị Trâm	Anh	29/01/2001	19DNH1	3,26	86,88	Giỏi	2.000.000	0481000905425	Vietcombank
42	1921002407	Hồ Mộng	Cầm	10/5/2001	19DNH1	3,58	86,63	Giỏi	2.000.000	0601000547219	Vietcombank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
43	1921004371	Bùi Bảo	Hân	14/7/2001	19DNH1	3,60	86,38	Giỏi	2.000.000	02949576301	Tiên Phong Bank
44	1921004502	Hà Công	Minh	16/3/2001	19DNH1	3,30	87,63	Giỏi	2.000.000	31310001386563	BIDV
45	1921004510	Trần Thị Thoại	Mỹ	16/10/2001	19DNH1	3,35	82,25	Giỏi	2.000.000	31310004179717	BIDV
46	1921004536	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	07/01/2001	19DNH1	3,41	85,75	Giỏi	2.000.000	04132587101	Tiên Phong Bank
47	1921004644	Trần Nhật	Tân	18/02/2001	19DNH1	3,27	87,13	Giỏi	2.000.000	0871004214531	Vietcombank
48	1921004696	Lý Thị Thái	Thương	16/3/2001	19DNH1	3,46	87,88	Giỏi	2.000.000	4808205277970	Agribank
49	1921004731	Nguyễn Bảo	Trân	07/12/2001	19DNH1	3,24	81,38	Giỏi	2.000.000	1026466612	Vietcombank
50	1921004760	Lê Minh	Trường	27/4/2001	19DNH1	3,56	92,25	Giỏi	2.000.000	31310001287967	BIDV
51	1921004810	Nguyễn Thị Thúy	Vy	18/4/2001	19DNH1	3,35	92,38	Giỏi	2.000.000	31310001386590	BIDV
52	1921004821	Nguyễn Thị Hải	Yến	08/8/2001	19DNH1	3,38	83,88	Giỏi	2.000.000	0982482870	MB Bank
53	1921004370	Phan Thị Thanh	Hải	04/02/2001	19DNH2	3,29	92,00	Giỏi	2.000.000	106868158145	Vietinbank
54	1921002446	Nguyễn Thị Thu	Hồng	28/4/2001	19DNH2	3,48	82,25	Giỏi	2.000.000	6120205750390	Agribank
55	1921004532	Lâm Bảo	Ngọc	09/9/2001	19DNH2	3,50	90,13	Giỏi	2.000.000	31310001386642	BIDV
56	1921004546	Hồ Đức	Nguyên	01/11/2001	19DNH2	3,27	80,50	Giỏi	2.000.000	11578297	ACB
57	1921004581	Lưu Ngọc	Nữ	30/4/2001	19DNH2	3,26	86,13	Giỏi	2.000.000	4604205105304	Agribank
58	1921004596	Lê Hữu	Phước	01/8/2001	19DNH2	3,39	82,00	Giỏi	2.000.000	31310001386624	BIDV
59	1921004609	Nguyễn Thị Kim	Phượng	10/6/2001	19DNH2	3,24	82,00	Giỏi	2.000.000	31310001287471	BIDV
60	1921004661	Hồ Thị Thiên	Thảo	09/7/2001	19DNH2	3,28	93,25	Giỏi	2.000.000	060298583839	Sacombank
61	1921004674	Nguyễn Lê Thanh	Thi	14/6/2001	19DNH2	3,46	89,25	Giỏi	2.000.000	31310001376193	BIDV
62	1921002559	Phạm Thị Cẩm	Thoa	06/4/2001	19DNH2	3,50	85,63	Giỏi	2.000.000	100870293021	Vietinbank
63	1921004721	Hồ Thị Huyền	Trâm	17/3/2001	19DNH2	3,24	81,13	Giỏi	2.000.000	5505022019	MB Bank
64	1921004775	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	17/5/2001	19DNH2	3,33	89,00	Giỏi	2.000.000	31310001556311	BIDV
65	1921004818	Nguyễn Thị Tú	Yên	12/11/2001	19DNH2	3,27	88,75	Giỏi	2.000.000	106870762129	VietinBank
66	1921002513	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	25/6/2001	19DIF	3,22	83,38	Giỏi	2.000.000	061879020001	Lienvietpostbank
67	1921006300	Võ Thị Ngọc	Ngà	13/3/2001	CLC_19DTC01	3,23	83,75	Giỏi	2.000.000	19037054931011	Techcombank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
68	1921004353	Đoàn Minh	Duy	19/10/2001	CLC_19DTC02	3,42	82,63	Giỏi	2.000.000	31310001606021	BIDV
69	1921006448	Hoàng Tâm	Tuệ	13/12/2001	CLC_19DTC03	3,53	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001556250	BIDV
70	1921004562	Hồ Lâm Thanh	Như	26/12/2001	CLC_19DTC04	3,55	88,75	Giỏi	2.000.000	31310001287286	BIDV
71	1921006381	Nguyễn Dương Phươn	Thảo	18/10/2001	CLC_19DTC04	3,28	92,25	Giỏi	2.000.000	12677167	ACB
72	1921006474	Phạm Phi	Yến	02/02/2001	CLC_19DNH01	3,20	87,75	Giỏi	2.000.000	31310001426849	BIDV
73	1921004424	Nguyễn Hoàng	Huy	05/12/2001	CLC_19DNH02	3,47	84,13	Giỏi	2.000.000	31310001426812	BIDV
74	1921004315	Nguyễn Lê	Bình	12/10/2001	CLC_19DNH03	3,34	87,25	Giỏi	2.000.000	31310001419919	BIDV
	Cộng:	74	Sinh viên						148.000.000		
VIII	Khoa Thảm định giá - Kinh doanh bất động sản										
1	1921004076	Hoàng Thị Xuân	Thắng	29/9/2001	19DKB01	3,46	90,00	Giỏi	2.000.000	31310001262140	BIDV
2	1921004109	Nguyễn Minh	Toàn	22/10/2001	19DKB01	3,21	89,63	Giỏi	2.000.000	31310001385816	BIDV
3	1921004112	Nguyễn Võ Huyền	Trâm	11/11/2001	19DKB01	3,46	97,88	Giỏi	2.000.000	31310001262177	BIDV
4	1921004105	Nguyễn Hồ Thu	Thủy	19/6/2001	19DKB03	3,41	96,25	Giỏi	2.000.000	31310001385861	BIDV
5	1921004440	Lý Ngọc	Khang	21/4/2001	19DTD	3,40	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001226623	BIDV
6	1921002270	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/11/2001	19DTD	3,47	91,25	Giỏi	2.000.000	31310001556302	BIDV
	Cộng:	6	Sinh viên						12.000.000		
IX	Khoa Thuế - Hải quan										
1	1921004336	Trương Nguyễn Huynh	Dao	15/10/2001	19DHQ1	3,39	89,25	Giỏi	2.000.000	6905205125725	Agribank
2	1921002421	Nguyễn Thị Hồng	Sương	15/6/2001	19DHQ1	3,20	91,50	Giỏi	2.000.000	1015436819	VCB
3	1921004693	Đỗ Thị	Thương	28/11/2001	19DHQ1	3,35	88,25	Giỏi	2.000.000	060255287578	Sacombank
4	1921002308	Nguyễn Sông	Tiền	30/10/2001	19DHQ1	3,51	94,63	Giỏi	2.000.000	31310001226474	BIDV
5	1921004816	Nguyễn Thị Mộng	Xuân	24/9/2001	19DHQ1	3,25	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001555707	BIDV
6	1921004360	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	17/8/2001	19DHQ2	3,42	88,50	Giỏi	2.000.000	6003205452133	Agribank
7	1921004462	Đinh Thị Thùy	Linh	18/5/2001	19DHQ2	3,43	88,38	Giỏi	2.000.000	0621000460553	VCB
8	1921004753	Lê Đoàn Thu	Trinh	26/01/2001	19DHQ2	3,47	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001264067	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
9	1921004797	Nguyễn Hoàng Yến	Vi	16/6/2001	19DHQ2	3,31	84,50	Giỏi	2.000.000	31310001556889	BIDV
10	1921004687	Nguyễn Thị Minh	Thư	20/01/2001	19DTX	3,20	85,88	Giỏi	2.000.000	31310001426414	BIDV
	Cộng:	10	Sinh viên						20.000.000		
X	Khoa Thương mại										
1	1921004192	Vũ Thị Phương	Hồng	17/4/2001	19DKQ1	3,47	92,50	Giỏi	2.000.000	67010001210505	BIDV
2	1921001601	Huỳnh Thị Huyền	Trân	21/8/2001	19DKQ2	3,29	91,50	Giỏi	2.000.000	31310001607130	BIDV
3	1921001904	Nguyễn Phương	Uyên	05/02/2001	19DKQ2	3,26	87,88	Giỏi	2.000.000	19036905686017	Techcombank
4	1921001881	Nguyễn Phạm Huỳnh	Anh	03/5/2001	19DTM1	3,45	89,00	Giỏi	2.000.000	31310001387937	BIDV
5	1921001483	Lê Trung	Hiếu	01/01/2001	19DTM1	3,42	90,13	Giỏi	2.000.000	31310001555840	BIDV
6	1921001622	Phạm Thị Minh	Hòa	04/6/2001	19DTM1	3,21	90,75	Giỏi	2.000.000	0354346555	Vietinbank
7	1921004217	Huỳnh Lê Kim	Ngân	20/5/2001	19DTM1	3,39	88,88	Giỏi	2.000.000	31310001410745	BIDV
8	1921001843	Đặng Khánh	Ngọc	26/11/2001	19DTM1	3,28	95,71	Giỏi	2.000.000	31310001293849	BIDV
9	1921001817	Lê Thị Thanh	Nhàn	29/9/2001	19DTM1	3,21	83,13	Giỏi	2.000.000	050115895262	Sacombank
10	1921001476	Đặng Thị Đỗ	Quyên	22/11/2001	19DTM1	3,42	94,13	Giỏi	2.000.000	31310001606960	BIDV
11	1921002053	Nguyễn Ngọc Cao	Thy	16/02/2001	19DTM1	3,33	83,00	Giỏi	2.000.000	31310001556922	BIDV
12	1921002075	Nguyễn Thị	Trọng	12/01/2001	19DTM1	3,41	89,25	Giỏi	2.000.000	0352040072	MB Bank
13	1921001860	Lê Thị Thanh	Tuyền	07/02/2001	19DTM1	3,43	85,75	Giỏi	2.000.000	31310001258352	BIDV
14	1921004257	Huỳnh Thanh	Tú	03/12/2001	19DTM1	3,27	92,50	Giỏi	2.000.000	31310001556506	BIDV
15	1921001779	Trà Thị Hồng	Yến	02/10/2001	19DTM1	3,39	90,75	Giỏi	2.000.000	31310001387946	BIDV
16	1921001706	Trần Thị Ngọc	Ánh	03/10/2001	19DTM2	3,52	95,25	Giỏi	2.000.000	31310001387973	BIDV
17	1921004181	Võ Thị Thanh	Duyên	08/12/2001	19DTM2	3,20	83,38	Giỏi	2.000.000	5205205174062	Agribank
18	1921004188	Hồ Thị Thu	Hiền	13/10/2001	19DTM2	3,44	84,63	Giỏi	2.000.000	1030561243	Vietcombank
19	1921001746	Dur Trung	Hiếu	10/02/2001	19DTM2	3,39	83,88	Giỏi	2.000.000	0081001318188	Vietcombank
20	1921001590	Trần Hà	Linh	26/7/2001	19DTM2	3,22	80,00	Giỏi	2.000.000	31310001606678	BIDV
21	1921001664	Nguyễn Thị Gia	Nghi	21/5/2001	19DTM2	3,28	86,13	Giỏi	2.000.000	7108205395486	Agribank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
22	1921001919	Lương Lê Nhung	Phấn	22/6/2001	19DTM2	3,29	80,13	Giỏi	2.000.000	1026830594	Vietcombank
23	1921004233	Phạm Trần Anh	Quân	26/9/2001	19DTM2	3,44	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001376050	BIDV
24	1921004240	Phan Chí	Thanh	25/10/2001	19DTM2	3,33	86,75	Giỏi	2.000.000	31310001607848	BIDV
25	1921004238	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	05/5/2001	19DTM2	3,52	82,75	Giỏi	2.000.000	0601000548140	VCB
26	1921001693	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/11/2001	19DTM2	3,32	89,00	Giỏi	2.000.000	19036542545017	Techcombank
27	1921004249	Sơn Ngọc Kim	Tiền	01/7/2001	19DTM2	3,46	91,75	Giỏi	2.000.000	31310001262654	BIDV
28	1921001754	Nguyễn Vũ Bảo	Chuyên	11/01/2001	19DTM3	3,29	87,63	Giỏi	2.000.000	101877140807	VietinBank
29	1921004177	Nguyễn Thị	Diễm	25/4/2001	19DTM3	3,44	87,88	Giỏi	2.000.000	31310001226456	BIDV
30	1921002012	Châu Lê Hoàng	Hào	05/12/2001	19DTM3	3,27	88,50	Giỏi	2.000.000	102874920438	Vietinbank
31	1921004200	Phạm Thị	Huyền	26/6/2001	19DTM3	3,40	85,88	Giỏi	2.000.000	31310001226270	BIDV
32	1921001582	Võ Thị Mỹ	Lan	16/02/2001	19DTM3	3,42	80,00	Giỏi	2.000.000	31310001281446	BIDV
33	1921001602	Nguyễn Đức Thanh	Nhàn	13/7/2001	19DTM3	3,33	88,38	Giỏi	2.000.000	31310001557554	BIDV
34	1921004229	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	02/12/2001	19DTM3	3,44	87,13	Giỏi	2.000.000	31310004187613	BIDV
35	1921002044	Trần Thị	Tho	30/7/2001	19DTM3	3,46	91,75	Giỏi	2.000.000	31310001258662	BIDV
36	1921004263	Trần Tổ	Uyên	24/9/2001	19DTM3	3,35	86,88	Giỏi	2.000.000	103869893787	VietinBank
37	1921004273	Trương Trần Huyền	Vy	20/9/2001	19DTM3	3,28	91,75	Giỏi	2.000.000	31310001377202	BIDV
38	1921004167	Lê Thị Lan	Anh	02/01/2001	19DLG	3,23	91,50	Giỏi	2.000.000	31310001262247	BIDV
39	1921004168	Trần Mai Tú	Anh	24/10/2001	19DLG	3,22	82,00	Giỏi	2.000.000	7102205473970	Agribank
40	1921004169	Cao Ngọc	Ánh	07/02/2001	19DLG	3,22	87,25	Giỏi	2.000.000	31410004525168	BIDV
41	1921004182	Nguyễn Văn Tàu	Em	29/5/2001	19DLG	3,48	85,63	Giỏi	2.000.000	0671004154870	Vietcombank
42	1921001539	Lê Thị Hồng	Hạnh	22/9/2001	19DLG	3,20	86,75	Giỏi	2.000.000	71010001905024	BIDV
43	1921004195	Nguyễn Thị	Hương	20/01/2001	19DLG	3,36	86,63	Giỏi	2.000.000	0881000485239	Vietcombank
44	1921002064	Mai Yến	Lan	21/02/2001	19DLG	3,31	82,38	Giỏi	2.000.000	31310001258714	BIDV
45	1921002000	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/02/2001	19DLG	3,29	91,50	Giỏi	2.000.000	7108205339593	Agribank
46	1921001911	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	07/6/2001	19DLG	3,25	88,75	Giỏi	2.000.000	5406205222323	Agribank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
47	1921004219	Hồ Thị Yến	Ngọc	06/01/2000	19DLG	3,36	86,00	Giỏi	2.000.000	7104205190688	Agribank
48	1921004221	Võ Thị	Ngọc	21/3/2001	19DLG	3,29	92,75	Giỏi	2.000.000	0651000868898	Vietcombank
49	1921004225	Đinh Nguyễn Quỳnh	Như	23/8/2001	19DLG	3,32	89,13	Giỏi	2.000.000	1029022913	Vietcombank
50	1921001877	Nguyễn Thị Tố	Như	13/8/2001	19DLG	3,20	81,13	Giỏi	2.000.000	29430487	ACB
51	1921001493	Kiều Thị Yến	Oanh	21/12/2001	19DLG	3,21	92,13	Giỏi	2.000.000	31310001606456	BIDV
52	1921001793	Đinh Thanh	Phong	02/6/2001	19DLG	3,32	94,50	Giỏi	2.000.000	105870544325	VietinBank
53	1921004235	Võ Nguyên	Tài	03/7/2001	19DLG	3,22	87,63	Giỏi	2.000.000	19036794526015	Techcombank
54	1921001868	Trần Nguyễn Thu	Thảo	15/01/2001	19DLG	3,45	84,38	Giỏi	2.000.000	31310001386387	BIDV
55	1921001801	Nguyễn Hữu	Thái	17/9/2001	19DLG	3,30	91,50	Giỏi	2.000.000	56210000881937	BIDV
56	1921004246	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	21/8/2001	19DLG	3,28	88,00	Giỏi	2.000.000	31310001286229	BIDV
57	1921001929	Hà Phan Hoài	Thương	13/8/2001	19DLG	3,39	81,88	Giỏi	2.000.000	58010001273937	BIDV
58	1921004256	Nguyễn Thị Xuân	Trúc	09/3/2001	19DLG	3,27	84,50	Giỏi	2.000.000	05478873101	Tiên Phong Bank
59	1921001832	Võ Lê Hoàng	Uyên	06/01/2001	19DLG	3,43	85,50	Giỏi	2.000.000	157704070005127	Hd Bank
60	1921002179	Phạm Lan	Anh	30/5/2001	CLC_19DTM01	3,35	92,38	Giỏi	2.000.000	12192387	ACB
61	1921002128	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	11/02/2001	CLC_19DTM01	3,28	82,38	Giỏi	2.000.000	31310001375826	BIDV
62	1921002140	Lâm Đình	Đình	11/6/2001	CLC_19DTM01	3,41	80,50	Giỏi	2.000.000	31310001389304	BIDV
63	1921002155	Huỳnh Lê Khánh	Giang	18/4/2001	CLC_19DTM01	3,32	88,88	Giỏi	2.000.000	31310001606711	BIDV
64	1921002110	Mai Hồng	Hân	04/6/2001	CLC_19DTM01	3,25	83,63	Giỏi	2.000.000	30865397	ACB
65	1921002131	Nguyễn Thị Hoanh	Hoanh	26/6/2001	CLC_19DTM01	3,37	81,13	Giỏi	2.000.000	0071001338894	Vietcombank
66	1921002142	Chế Thị Thanh	Mai	11/10/2001	CLC_19DTM01	3,47	85,00	Giỏi	2.000.000	7108205329309	Agribank
67	1921002186	Đỗ Tuyết	Mai	03/10/2001	CLC_19DTM01	3,34	83,38	Giỏi	2.000.000	31310001389289	BIDV
68	1921002181	Hoàng Thị Kim	Nguyên	23/02/2001	CLC_19DTM01	3,26	83,00	Giỏi	2.000.000	7300205327312	Agribank
69	1921002172	Đặng Thanh	Nhi	21/8/2001	CLC_19DTM01	3,40	85,50	Giỏi	2.000.000	31310001445792	BIDV
70	1921002139	Nguyễn Lê Ngân	Quỳnh	17/7/2001	CLC_19DTM01	3,37	84,75	Giỏi	2.000.000	31310001389298	BIDV
71	1921002089	Nguyễn Lê Lam	Tuyền	21/02/2001	CLC_19DTM01	3,54	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001240702	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
72	1921005845	Hồ Trâm	Anh	02/8/2001	CLC_19DTM02	3,29	84,25	Giỏi	2.000.000	31310001389401	BIDV
73	1921005963	Võ Quốc	Nam	25/3/2001	CLC_19DTM02	3,29	88,00	Giỏi	2.000.000	31310001389368	BIDV
74	1921006104	Trần Minh	Trường	30/10/2001	CLC_19DTM02	3,27	84,75	Giỏi	2.000.000	1014620364	Vietcombank
75	1921006139	Trần Thị Hải	Yến	09/01/2001	CLC_19DTM02	3,32	86,50	Giỏi	2.000.000	31310001389377	BIDV
76	1921005873	Nguyễn Thị Kim	Chi	07/3/2001	CLC_19DTM03	3,52	91,50	Giỏi	2.000.000	31310001266869	BIDV
77	1921006037	Lê Phương	Tân	03/9/2001	CLC_19DTM03	3,25	86,13	Giỏi	2.000.000	31310001555752	BIDV
78	1921006050	Nguyễn Hoàng Phúc	Thịnh	26/02/2001	CLC_19DTM03	3,50	96,00	Giỏi	2.000.000	31310001267677	BIDV
79	1921006071	Mai Nguyễn Anh	Thy	06/4/2001	CLC_19DTM03	3,26	81,75	Giỏi	2.000.000	31310001419450	BIDV
80	1921006098	Bùi Ngọc Vân	Trúc	30/12/2001	CLC_19DTM03	3,40	86,63	Giỏi	2.000.000	31310001389429	BIDV
81	1921006135	Đào Thị	Yến	19/11/2001	CLC_19DTM03	3,33	92,00	Giỏi	2.000.000	060243168395	SACOMBANK
82	1921005862	Võ Ngọc Phương	Anh	19/7/2001	CLC_19DTM04	3,43	81,13	Giỏi	2.000.000	31310001266832	BIDV
83	1921005901	Phạm Minh	Hạnh	17/8/2001	CLC_19DTM04	3,42	90,13	Giỏi	2.000.000	9918812400	Vietcombank
84	1921006032	Nguyễn Thị Thanh	Sang	16/9/2001	CLC_19DTM04	3,37	81,38	Giỏi	2.000.000	31310001414871	BIDV
85	1921006066	Phạm Thanh	Thúy	20/12/2001	CLC_19DTM04	3,33	93,88	Giỏi	2.000.000	0571000057090	Vietcombank
86	1921006087	Lý Nguyễn Yến	Trân	13/02/2001	CLC_19DTM04	3,38	89,88	Giỏi	2.000.000	31310001389456	BIDV
87	1921005855	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	24/12/2001	CLC_19DTM05	3,27	84,38	Giỏi	2.000.000	10417557	ACB
88	1921005929	Diệp Duy	Khương	02/4/2001	CLC_19DTM05	3,43	85,25	Giỏi	2.000.000	19035145341018	Techcombank
89	1921006064	Phạm Thị Ngọc	Thương	10/5/2001	CLC_19DTM05	3,35	85,63	Giỏi	2.000.000	10479387	ACB
90	1921005899	Đinh Thủy Xuân	Hằng	05/01/2001	CLC_19DTM06	3,33	87,13	Giỏi	2.000.000	31310001402964	BIDV
91	1921006009	Trần Hồng	Phúc	18/6/2001	CLC_19DTM06	3,20	81,50	Giỏi	2.000.000	1024268599	Vietcombank
92	1921006053	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	05/02/2001	CLC_19DTM06	3,25	89,63	Giỏi	2.000.000	19036046351016	Techcombank
93	1921006078	Huỳnh Trung	Tín	08/10/2001	CLC_19DTM06	3,39	82,75	Giỏi	2.000.000	31310001356627	BIDV
94	1921006093	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/01/2001	CLC_19DTM06	3,29	86,25	Giỏi	2.000.000	9394218960	Vietcombank
95	1921006061	Vũ Ngọc Anh	Thư	28/02/2001	CLC_19DTM07	3,22	83,88	Giỏi	2.000.000	0281000636417	Vietcombank
96	1921003483	Nguyễn Xuân	Hào	05/4/2001	CLC_19DTM08	3,36	88,63	Giỏi	2.000.000	31310001389526	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
97	1921004201	Phạm Nguyên	Khang	13/12/2001	CLC_19DTM08	3,28	80,13	Giỏi	2.000.000	31310001606155	BIDV
98	1921004209	Trần Thị Trà	Mi	01/9/2001	CLC_19DTM08	3,50	89,00	Giỏi	2.000.000	39701901	VP Bank
99	1921003605	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	14/12/2001	CLC_19DTM08	3,34	88,63	Giỏi	2.000.000	6909205123648	Agribank
100	1921006014	Hà Trần Mai	Phương	08/10/2001	CLC_19DTM08	3,25	84,50	Giỏi	2.000.000	2020118214003	MB Bank
101	1921006017	Đoàn Thị	Phượng	12/02/2001	CLC_19DTM08	3,33	88,38	Giỏi	2.000.000	0271001103342	VCB
102	1921004248	Trần Thị Diễm	Thương	15/8/2001	CLC_19DTM08	3,33	87,25	Giỏi	2.000.000	6110205276857	Agribank
103	1921004264	Nguyễn Phương	Uyên	16/5/2001	CLC_19DTM08	3,30	86,75	Giỏi	2.000.000	0441000797911	VIETCOMBANK
104	1921005910	Nguyễn Duy	Hưng	03/01/2001	CLC_19DTM09	3,20	87,75	Giỏi	2.000.000	31310001612480	BIDV
105	1921001630	Bùi Thị Thùy	Ngân	27/4/2001	CLC_19DTM09	3,29	89,75	Giỏi	2.000.000	31310001555813	BIDV
106	1921001962	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	08/3/2001	CLC_19DTM09	3,37	84,00	Giỏi	2.000.000	31310001237722	BIDV
	Cộng:	106	Sinh viên						212.000.000		
XI	Viện Đào tạo quốc tế										
1	1921002235	Nguyễn Thị Minh	Phương	02/01/2001	IP_19DKQ	3,35	90,00	Giỏi	2.000.000	31310001258778	BIDV
	Cộng:	1	Sinh viên						2.000.000		
	Tổng cộng:	459	sinh viên						918.000.000		

Bảng chữ: Chín trăm mười tám triệu đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

HIỆU TRƯỞNG

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU SINH VIÊN XUẤT SẮC TOÀN KHÓA
KHÓA 16 (19D) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số **952** /QĐ-ĐHTCM ngày **10 / 04 /2023**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
I	Khoa Công nghệ thông tin										
1	1921002830	Lê Thị Thúy	Duy	04/12/2001	19DTK2	3,60	92,13	Xuất sắc	5.000.000	31310001259249	BIDV
	Cộng:	1	Sinh viên						5.000.000		
II	Khoa Du lịch										
1	1921006956	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24/8/2001	19DLH1	3,63	92,38	Xuất sắc	5.000.000	31310004183374	BIDV
2	1921006981	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	09/9/2001	19DLH2	3,64	91,25	Xuất sắc	5.000.000	9657827	Á Châu - ACB
	Cộng:	2	Sinh viên						10.000.000		
III	Khoa Kế toán - Kiểm toán										
1	1921004842	Vũ Thị Thảo	Dung	10/10/2001	19DAC1	3,60	92,38	Xuất sắc	5.000.000	31310001288386	BIDV
	Cộng:	1	Sinh viên						5.000.000		
IV	Khoa Marketing										
1	1921003889	Lê Thị	Trâm	12/7/2001	19DMA1	3,69	92,63	Xuất sắc	5.000.000	31310001261846	BIDV
2	1921001259	Võ Thị Mai	Hương	26/01/2001	19DMC3	3,70	94,63	Xuất sắc	5.000.000	63210000533955	BIDV
3	1921001152	Huỳnh Thị Khánh	Vy	16/6/2001	19DMC3	3,61	94,00	Xuất sắc	5.000.000	0881000483979	Vietcombank
4	1921001343	Diệp Võ Anh	Thư	12/3/2001	CLC_19DMA01	3,71	95,00	Xuất sắc	5.000.000	8007041163299	Viet Capital Bank
5	1921005386	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	08/10/2001	CLC_19DMA05	3,81	90,63	Xuất sắc	5.000.000	31310001265626	BIDV
	Cộng:	5	Sinh viên						25.000.000		
V	Khoa Quản trị kinh doanh										

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
1	1921003733	Lương Thị Ngọc	Thảo	26/11/2001	19DQT1	3,74	91,43	Xuất sắc	5.000.000	31310001556241	BIDV
2	1921003755	Trần Minh	Thông	07/8/2001	19DQT5	3,63	93,75	Xuất sắc	5.000.000	31310004187394	BIDV
3	1921000429	Đỗ Thị Như	Ý	04/3/2001	19DQT5	3,69	93,25	Xuất sắc	5.000.000	31310001269628	BIDV
	Cộng:	3	Sinh viên						15.000.000		
VI	Khoa Tài chính - Ngân hàng										
1	1921004511	Nguyễn Thị Lê	Na	03/12/2001	19DTC3	3,60	94,50	Xuất sắc	5.000.000	31310001387803	BIDV
	Cộng:	1	Sinh viên						5.000.000		
VII	Khoa Thuế - Hải quan										
1	1921004338	Hoàng Thị Thanh	Diễm	10/8/1998	19DHQ1	3,60	92,88	Xuất sắc	5.000.000	31310001557013	BIDV
	Cộng:	1	Sinh viên						5.000.000		
VIII	Khoa Thương mại										
1	1921005944	Trần Gia	Linh	24/11/2001	CLC_19DTM02	3,67	93,38	Xuất sắc	5.000.000	31310001389340	BIDV
2	1921006110	Phạm Ngọc Phương	Tuyền	25/4/2001	CLC_19DTM03	3,69	96,25	Xuất sắc	5.000.000	31310001269910	BIDV
3	1921006006	Lại Trần Thanh	Phúc	23/8/2001	CLC_19DTM05	3,63	92,75	Xuất sắc	5.000.000	31310001426900	BIDV
4	1921001673	Nguyễn Ngọc Anh	Thơ	15/8/2001	CLC_19DTM08	3,60	93,38	Xuất sắc	5.000.000	31310001281622	BIDV
5	1921004254	Nguyễn Lê	Trinh	08/12/2001	CLC_19DTM08	3,63	92,63	Xuất sắc	5.000.000	31310001286265	BIDV
	Cộng:	5	Sinh viên						25.000.000		
	Tổng cộng:	19	sinh viên						95.000.000		

Bảng chữ: Chín mươi lăm triệu đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG PHÒNG KHTC



HIỆU TRƯỞNG

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG SINH VIÊN ĐẠT KẾT QUẢ RÈN LUYỆN XUẤT SẮC TOÀN KHÓA
KHÓA 16 (19D) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2022**
(Kèm theo Quyết định số **952** /QĐ-ĐHTCM ngày **10/04/2023**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
I	Khoa Công nghệ thông tin										
1	1921006881	Nguyễn Hứa Phương	Tuyên	24/02/2001	19DTK1	3,34	93,50	Giỏi	2.000.000	31310001557040	BIDV
2	1921002830	Lê Thị Thúy	Duy	04/12/2001	19DTK2	3,60	92,13	Xuất sắc	2.000.000	31310001259249	BIDV
3	1921006753	Phạm Thị Hồng	Ngân	15/9/2001	19DTK2	3,48	91,25	Giỏi	2.000.000	31310004182025	BIDV
4	1921006885	Lê Đoàn Bội	Uyên	03/3/2001	19DTH1	3,55	92,50	Giỏi	2.000.000	31310001376661	BIDV
5	1921006792	Tô Thị Hồng	Nhung	13/3/2001	19DTH2	2,95	91,75	Khá	2.000.000	1034083840	VCB
6	1921006901	Nguyễn Hoàng	Vui	31/3/2001	19DTH2	3,32	93,63	Giỏi	2.000.000	31310001555956	BIDV
7	1921006898	Nguyễn Nhật Long	Vũ	14/01/2001	19DTH3	3,58	92,63	Giỏi	2.000.000	31310001295359	BIDV
	Cộng:	7	Sinh viên						14.000.000		
II	Khoa Du lịch										
1	1921006956	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24/8/2001	19DLH1	3,63	92,38	Xuất sắc	2.000.000	31310004183374	BIDV
2	1921006951	Đoàn Thị	Liên	16/5/2001	19DLH2	3,42	92,00	Giỏi	2.000.000	31310001376698	BIDV
3	1921006971	Đỗ Thị	Ngân	15/4/2001	19DLH2	3,31	91,25	Giỏi	2.000.000	1035145224	Vietcombank
4	1921006981	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	09/9/2001	19DLH2	3,64	91,25	Xuất sắc	2.000.000	9657827	ACB
5	1921002913	Trương Quốc	Nguyên	27/12/2001	19DSK	3,44	97,00	Giỏi	2.000.000	31310001259504	BIDV
6	1921002988	Lê Thị Diễm	Mi	19/01/2001	19DKS01	3,58	90,75	Giỏi	2.000.000	31310001385940	BIDV
7	1921003001	Ngô Phương	Nhung	21/4/2001	19DKS01	3,22	92,13	Giỏi	2.000.000	6005205161545	Agribank
8	1921007448	Trần Kim	Anh	06/5/2001	19DQN02	3,37	90,50	Giỏi	2.000.000	296519091999	VP Bank

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
9	1921007447	Phạm Hoàng	Anh	07/9/2001	19DQN03	3,37	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001271438	BIDV
	Cộng:	9	Sinh viên						18.000.000		
III	Khoa Kế toán - Kiểm toán										
1	1921004853	Lê Thị Thúy	Hằng	28/9/2001	19DKT1	3,25	91,88	Giỏi	2.000.000	31310001288474	BIDV
2	1921004882	Nguyễn Thị Hồng	Loan	04/12/2001	19DKT1	3,52	90,88	Giỏi	2.000.000	104870026640	VietinBank
3	1921002609	Lê Thị Thanh	Mận	15/9/2001	19DKT1	3,37	90,38	Giỏi	2.000.000	0271001095268	Vietcombank
4	1921004892	Tất Hồng	My	04/11/2001	19DKT1	3,38	90,38	Giỏi	2.000.000	1029359865	Vietcombank
5	1921004900	Dương Thảo	Nguyên	22/8/2001	19DKT1	3,39	92,75	Giỏi	2.000.000	4602220006816	Agribank
6	1921004931	Nguyễn Nhữ Kim	Thảo	23/10/2001	19DKT2	3,15	94,63	Khá	2.000.000	31310004180092	BIDV
7	1921004842	Vũ Thị Thảo	Dung	10/10/2001	19DAC1	3,60	92,38	Xuất sắc	2.000.000	31310001288386	BIDV
8	1921004884	Hoàng Thị	Ly	18/4/2001	19DAC1	3,12	92,13	Khá	2.000.000	3708205231000	Agribank
9	1921004875	Nguyễn Lê Phương	Lam	26/02/2001	19DAC2	2,91	91,75	Khá	2.000.000	04307455501	TPBANK
10	1921004923	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	25/8/2001	19DAC2	3,42	91,38	Giỏi	2.000.000	31310001226386	BIDV
11	1921004955	Đặng Minh	Trang	20/8/2001	19DAC2	3,24	90,13	Giỏi	2.000.000	0281000656363	VCB
12	1921004173	Nguyễn Lê Ngọc	Bích	08/9/2001	CLC_19DKT03	3,36	94,00	Giỏi	2.000.000	31310001388772	BIDV
	Cộng:	12	Sinh viên						24.000.000		
IV	Khoa Kinh tế - Luật										
1	1921004765	Tô Thị Kim	Tú	10/8/2001	19DQF	3,15	94,38	Khá	2.000.000	31310001556737	BIDV
	Cộng:	1	Sinh viên						2.000.000		
V	Khoa Marketing										
1	1921000809	Phan Hoài	An	09/5/2001	19DMA1	3,52	92,63	Giỏi	2.000.000	31310001401855	BIDV
2	1921003867	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/8/2000	19DMA1	3,42	98,38	Giỏi	2.000.000	31310001606951	BIDV
3	1921003868	Châu Ngọc Trang	Đoan	16/12/2001	19DMA1	3,53	92,13	Giỏi	2.000.000	31310001431667	BIDV
4	1921003889	Lê Thị	Trâm	12/7/2001	19DMA1	3,69	92,63	Xuất sắc	2.000.000	31310001261846	BIDV
5	1921001219	Hoàng Thị Huyền	Trang	07/7/2001	19DMA2	3,48	92,63	Giỏi	2.000.000	31310001257155	BIDV
6	1921001238	Phạm Ngọc Thảo	Vân	31/3/2001	19DMA2	3,26	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001257191	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
7	1921000989	Đặng Hồng	Phát	22/4/2001	19DQH1	3,33	90,63	Giỏi	2.000.000	31310001559985	BIDV
8	1921000821	Nguyễn Như	Quỳnh	04/02/2001	19DQH1	3,27	90,50	Giỏi	2.000.000	04318843601	TPBank
9	1921001263	Trương Thị Thùy	Trang	06/01/2001	19DQH1	3,40	90,50	Giỏi	2.000.000	31310001293797	BIDV
10	1921001009	Nguyễn Hồ Diễm	Khương	20/8/2001	19DQH2	3,35	91,86	Giỏi	2.000.000	0671004155045	VCB
11	1921000687	Lê Thị Hà	Mi	19/10/2001	19DQH2	3,47	91,57	Giỏi	2.000.000	31310001296398	BIDV
12	1921000990	Nguyễn Thúy	Ái	09/4/2001	19DMC1	3,38	92,13	Giỏi	2.000.000	7505205215603	Agribank
13	1921001138	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	26/02/2001	19DMC1	3,26	90,38	Giỏi	2.000.000	0881000485804	Vietcombank
14	1921001240	Lê Thị Hoàng	Anh	18/01/2001	19DMC2	3,48	92,00	Giỏi	2.000.000	31310001257216	BIDV
15	1921000741	Bùi Thị Thu	Hậu	02/6/2001	19DMC2	3,51	91,63	Giỏi	2.000.000	31310001296477	BIDV
16	1921000755	Vũ Thị Thanh	Loan	02/11/2001	19DMC2	3,43	91,13	Giỏi	2.000.000	36810000513429	BIDV
17	1921000770	Tạ Tố	Như	11/4/2001	19DMC2	3,20	90,00	Giỏi	2.000.000	19036855540016	Techcombank
18	1921001259	Võ Thị Mai	Hương	26/01/2001	19DMC3	3,70	94,63	Xuất sắc	2.000.000	63210000533955	BIDV
19	1921001152	Huỳnh Thị Khánh	Vy	16/6/2001	19DMC3	3,61	94,00	Xuất sắc	2.000.000	0881000483979	Vietcombank
20	1921000696	Phạm Ngọc Thúy	Vy	16/02/2001	19DMC3	3,59	92,88	Giỏi	2.000.000	31310001226298	BIDV
21	1921005525	Trà Thụy Trúc	Mai	15/01/2001	CLC_19DMA01	3,32	91,63	Giỏi	2.000.000	31310001388806	BIDV
22	1921001375	Lê Hà	Phương	03/4/2001	CLC_19DMA01	3,49	92,50	Giỏi	2.000.000	31310001388824	BIDV
23	1921001343	Diệp Võ Anh	Thư	12/3/2001	CLC_19DMA01	3,71	95,00	Xuất sắc	2.000.000	8007041163299	Viet Capital Bank
24	1921005648	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	11/3/2001	CLC_19DMA02	3,52	91,38	Giỏi	2.000.000	31310001291588	BIDV
25	1921005725	Lương Trần Nhật	Trang	15/9/2001	CLC_19DMA02	3,39	93,63	Giỏi	2.000.000	31310001291834	BIDV
26	1921005420	Nguyễn Mỹ	Hạnh	22/10/2001	CLC_19DMA03	3,23	90,75	Giỏi	2.000.000	31310001557262	BIDV
27	1921005555	Phạm Như Thảo	Ngọc	10/01/2001	CLC_19DMA03	3,46	92,75	Giỏi	2.000.000	31310004180348	BIDV
28	1921005595	Lý Gia	Như	14/3/2001	CLC_19DMA03	3,41	92,75	Giỏi	2.000.000	31310001266221	BIDV
29	1921005588	Nguyễn Thị Lan	Nhi	16/10/2001	CLC_19DMA04	3,38	90,88	Giỏi	2.000.000	17910000236001	BIDV
30	1921005377	Nguyễn Thị Huyền	Châu	20/11/2001	CLC_19DMA05	3,25	93,50	Giỏi	2.000.000	31310001556870	BIDV
31	1921005386	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	08/10/2001	CLC_19DMA05	3,81	90,63	Xuất sắc	2.000.000	31310001265626	BIDV
32	1921005534	Võ Nguyễn Trà	My	08/6/2001	CLC_19DMA05	3,36	90,63	Giỏi	2.000.000	31310001377567	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
33	1921005570	Phạm Thảo	Nguyễn	25/12/2001	CLC_19DMA05	3,52	96,25	Giỏi	2.000.000	1024296696	Vietcombank
34	1921005705	Trần Quốc	Tiến	20/7/2001	CLC_19DMA06	3,40	94,25	Giỏi	2.000.000	31310001389012	BIDV
35	1921005398	Phan Trí	Dũng	25/3/2001	CLC_19DMA07	2,83	93,13	Khá	2.000.000	31310001237962	BIDV
36	1921005693	Nguyễn Minh	Thúy	13/3/2001	CLC_19DMA07	3,22	95,88	Giỏi	2.000.000	106869253106	Vietinbank
37	1921005567	Đỗ Thị Hạnh	Nguyễn	06/5/2001	CLC_19DMA10	3,15	94,63	Khá	2.000.000	2606200148	VP Bank
38	1921000897	Lê Thị Mai	Quế	19/6/2001	CLC_19DMA11	3,47	91,88	Giỏi	2.000.000	31310001246339	BIDV
	Cộng:	38	Sinh viên						76.000.000		
VI	Khoa Ngoại ngữ										
1	1921000056	Lê Thị Thảo	Nguyễn	15/8/2001	19DTA01	3,20	91,88	Giỏi	2.000.000	31310001226687	BIDV
2	1921003202	Lê Minh	Duy	20/7/2001	19DTA02	3,30	95,50	Giỏi	2.000.000	31310001260083	BIDV
3	1921003255	Phùng Lê Gia	Linh	17/12/2001	19DTA02	3,35	92,50	Giỏi	2.000.000	31310001426168	BIDV
4	1921003329	Nguyễn Phương	Thảo	30/8/2001	19DTA02	3,25	91,00	Giỏi	2.000.000	63210000505404	BIDV
5	1921003378	Nguyễn Thị Hương	Uyên	20/12/2001	19DTA03	2,83	92,88	Khá	2.000.000	19038331947014	Techcombank
	Cộng:	5	Sinh viên						10.000.000		
VII	Khoa Quản trị kinh doanh										
1	1921003733	Lương Thị Ngọc	Thảo	26/11/2001	19DQT1	3,74	91,43	Xuất sắc	2.000.000	31310001556241	BIDV
2	1921003807	Lê Thị Trúc	Trình	10/6/2001	19DQT1	3,37	90,50	Giỏi	2.000.000	0881000481614	vietcombank
3	1921003710	Nguyễn Văn	Tam	09/6/2001	19DQT2	3,29	93,00	Giỏi	2.000.000	31310001386943	BIDV
4	1921003803	Vũ Trọng Cao	Trí	19/02/2001	19DQT2	3,48	94,00	Giỏi	2.000.000	52110000180936	BIDV
5	1921003844	Trần Thị Trường	Vi	15/10/2001	19DQT2	3,53	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001274534	BIDV
6	1921003404	Nguyễn Huệ Lan	Anh	10/8/2001	19DQT4	3,20	92,25	Giỏi	2.000.000	0881000487983	VCB
7	1921003721	Nguyễn Minh	Thắng	21/4/2001	19DQT4	3,44	93,25	Giỏi	2.000.000	31310001426201	BIDV
8	1921000559	Nguyễn Thị Thúy	Bình	22/12/2001	19DQT5	3,35	92,25	Giỏi	2.000.000	31410003901747	BIDV
9	1921000181	Đặng Thị Minh	Hào	06/5/2001	19DQT5	3,15	90,75	Khá	2.000.000	31310001606270	BIDV
10	1921000211	Trương Thị Cẩm	Ly	16/6/2001	19DQT5	3,50	91,38	Giỏi	2.000.000	31310001226951	BIDV
11	1921003755	Trần Minh	Thông	07/8/2001	19DQT5	3,63	93,75	Xuất sắc	2.000.000	31310004187394	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
12	1921000209	Võ Minh	Vui	20/3/2001	19DQT5	3,37	90,50	Giỏi	2.000.000	31310004186027	BIDV
13	1921000336	Phan Hải	Yến	04/9/2001	19DQT5	3,35	94,75	Giỏi	2.000.000	31310001377132	BIDV
14	1921000429	Đỗ Thị Như	Ý	04/3/2001	19DQT5	3,69	93,25	Xuất sắc	2.000.000	31310001269628	BIDV
15	1921000456	Phạm Mỹ	Huyền	24/02/2001	19DBH3	3,45	91,25	Giỏi	2.000.000	31310001295997	BIDV
16	1921003664	Trần Trọng	Phúc	13/5/2001	CLC_19DQT07	3,11	90,75	Khá	2.000.000	130520012002	MB Bank
17	1921003748	Nguyễn Đắc	Thiện	12/8/2001	CLC_19DQT07	3,42	90,63	Giỏi	2.000.000	31310001284816	BIDV
	Cộng:	17	Sinh viên						34.000.000		
VIII	Khoa Tài chính - Ngân hàng										
1	1921004388	Nguyễn Thị Thúy	Hào	05/11/2001	19DTC1	3,56	90,75	Giỏi	2.000.000	31310001387645	BIDV
2	1921004484	Lưu Khánh	Ly	23/12/2001	19DTC1	3,35	93,38	Giỏi	2.000.000	0968905674	MB Bank
3	1921002364	Phạm Đăng Minh	Nhật	17/6/2001	19DTC1	3,47	95,88	Giỏi	2.000.000	0401001496961	VIETCOMBANK
4	1921004707	Nguyễn Thủy	Tiên	05/11/2001	19DTC1	3,40	94,25	Giỏi	2.000.000	31310001387593	BIDV
5	1921004747	Phạm Thị Mỹ	Trang	05/6/2001	19DTC1	3,29	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001264049	BIDV
6	1921004773	Dur Thanh	Tuyền	19/02/2001	19DTC1	3,52	94,38	Giỏi	2.000.000	31310001387618	BIDV
7	1921004605	Vũ Thị	Phương	15/6/2001	19DTC2	3,55	91,75	Giỏi	2.000.000	31310001606720	BIDV
8	1921004316	Trương Thái	Cầm	30/10/2001	19DTC3	3,39	94,13	Giỏi	2.000.000	31310001606766	BIDV
9	1921002425	Tổng Nguyễn Phú	Hào	02/7/2001	19DTC3	3,23	90,50	Giỏi	2.000.000	69610000286112	BIDV
10	1921004511	Nguyễn Thị Lê	Na	03/12/2001	19DTC3	3,60	94,50	Xuất sắc	2.000.000	31310001387803	BIDV
11	1921002465	Phan Thị Thảo	Nhi	09/6/2001	19DTC3	3,44	90,25	Giỏi	2.000.000	7105205259548	Agribank
12	1921004676	Trần Thị Thu	Thi	03/6/2001	19DTC3	3,59	92,38	Giỏi	2.000.000	31310001287675	BIDV
13	1921002384	Nguyễn Mai	Thi	31/5/2001	19DNH1	3,12	90,13	Khá	2.000.000	31310001258945	BIDV
14	1921004760	Lê Minh	Trường	27/4/2001	19DNH1	3,56	92,25	Giỏi	2.000.000	31310001287967	BIDV
15	1921004810	Nguyễn Thị Thúy	Vy	18/4/2001	19DNH1	3,35	92,38	Giỏi	2.000.000	31310001386590	BIDV
16	1921004370	Phan Thị Thanh	Hải	04/02/2001	19DNH2	3,29	92,00	Giỏi	2.000.000	106868158145	Vietinbank
17	1921002363	Nguyễn Thị	Hiền	08/02/2001	19DNH2	3,06	93,25	Khá	2.000.000	31310001258918	BIDV
18	1921002529	Trần Thị Trúc	Linh	27/10/2001	19DNH2	3,15	90,75	Khá	2.000.000	31310001386688	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
19	1921004532	Lâm Bảo	Ngọc	09/9/2001	19DNH2	3,50	90,13	Giỏi	2.000.000	31310001386642	BIDV
20	1921004661	Hồ Thị Thiên	Thảo	09/7/2001	19DNH2	3,28	93,25	Giỏi	2.000.000	060298583839	Sacombank
21	1921004698	Mai Thị Thanh	Thúy	17/3/2001	19DNH2	2,90	91,00	Khá	2.000.000	31310001263897	BIDV
22	1921004801	Trương Thị Nhật	Vi	10/10/2001	19DNH2	2,91	90,13	Khá	2.000.000	57010004019696	BIDV
23	1921006838	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	09/3/2001	CLC_19DTC01	2,93	91,25	Khá	2.000.000	10147427	ACB
24	1921006448	Hoàng Tâm	Tuệ	13/12/2001	CLC_19DTC03	3,53	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001556250	BIDV
25	1921006381	Nguyễn Dương Phươ	Thảo	18/10/2001	CLC_19DTC04	3,28	92,25	Giỏi	2.000.000	12677167	ACB
	Cộng:	25	Sinh viên						50.000.000		
IX	Khoa Thảm định giá - Kinh doanh bất động sản										
1	1921004076	Hoàng Thị Xuân	Thăng	29/9/2001	19DKB01	3,46	90,00	Giỏi	2.000.000	31310001262140	BIDV
2	1921004112	Nguyễn Võ Huyền	Trâm	11/11/2001	19DKB01	3,46	97,88	Giỏi	2.000.000	31310001262177	BIDV
3	1921004105	Nguyễn Hồ Thu	Thủy	19/6/2001	19DKB03	3,41	96,25	Giỏi	2.000.000	31310001385861	BIDV
4	1921002270	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/11/2001	19DTD	3,47	91,25	Giỏi	2.000.000	31310001556302	BIDV
	Cộng:	4	Sinh viên						8.000.000		
X	Khoa Thuế - Hải quan										
1	1921004338	Hoàng Thị Thanh	Diễm	10/8/1998	19DHQ1	3,60	92,88	Xuất sắc	2.000.000	31310001557013	BIDV
2	1921002421	Nguyễn Thị Hồng	Sương	15/6/2001	19DHQ1	3,20	91,50	Giỏi	2.000.000	1015436819	VCB
3	1921002308	Nguyễn Sông	Tiền	30/10/2001	19DHQ1	3,51	94,63	Giỏi	2.000.000	31310001226474	BIDV
4	1921004816	Nguyễn Thị Mộng	Xuân	24/9/2001	19DHQ1	3,25	90,25	Giỏi	2.000.000	31310001555707	BIDV
5	1921004686	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/3/2001	19DPF	3,05	91,38	Khá	2.000.000	106871109697	VIETINBANK
	Cộng:	5	Sinh viên						10.000.000		
XI	Khoa Thương mại										
1	1921004192	Vũ Thị Phương	Hồng	17/4/2001	19DKQ1	3,47	92,50	Giỏi	2.000.000	67010001210505	BIDV
2	1921001771	Lâm Tiểu	My	15/8/2001	19DKQ1	3,05	91,75	Khá	2.000.000	31310001556038	BIDV
3	1921001619	Ngô Thị Hồng	Duyên	20/01/2001	19DKQ2	2,94	92,00	Khá	2.000.000	59010000737673	BIDV
4	1921001601	Huỳnh Thị Huyền	Trân	21/8/2001	19DKQ2	3,29	91,50	Giỏi	2.000.000	31310001607130	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
5	1921001514	Phan Thị Cẩm	Uyên	30/5/2001	19DKQ2	3,14	92,88	Khá	2.000.000	70210000266747	BIDV
6	1921001483	Lê Trung	Hiếu	01/01/2001	19DTM1	3,42	90,13	Giỏi	2.000.000	31310001555840	BIDV
7	1921001622	Phạm Thị Minh	Hòa	04/6/2001	19DTM1	3,21	90,75	Giỏi	2.000.000	0354346555	Vietinbank
8	1921001973	Phan Lê Đăng	Khôi	07/6/2001	19DTM1	2,69	94,00	Khá	2.000.000	070101580227	Sacombank
9	1921001843	Đặng Khánh	Ngọc	26/11/2001	19DTM1	3,28	95,71	Giỏi	2.000.000	31310001293849	BIDV
10	1921001476	Đặng Thị Đồ	Quyên	22/11/2001	19DTM1	3,42	94,13	Giỏi	2.000.000	31310001606960	BIDV
11	1921004257	Huỳnh Thanh	Tú	03/12/2001	19DTM1	3,27	92,50	Giỏi	2.000.000	31310001556506	BIDV
12	1921001779	Trà Thị Hồng	Yến	02/10/2001	19DTM1	3,39	90,75	Giỏi	2.000.000	31310001387946	BIDV
13	1921001706	Trần Thị Ngọc	Ánh	03/10/2001	19DTM2	3,52	95,25	Giỏi	2.000.000	31310001387973	BIDV
14	1921002010	Nguyễn Hoàng	Duy	02/9/2001	19DTM2	3,16	93,00	Khá	2.000.000	31310001607158	BIDV
15	1921001465	Trần Thị Thúy	Hằng	30/3/2001	19DTM2	3,13	91,13	Khá	2.000.000	31310001426539	BIDV
16	1921001907	Trần Bảo	Ngọc	23/01/2001	19DTM2	3,11	90,50	Khá	2.000.000	19036333825010	TECHCOMBANK
17	1921004249	Sơn Ngọc Kim	Tiền	01/7/2001	19DTM2	3,46	91,75	Giỏi	2.000.000	31310001262654	BIDV
18	1921002044	Trần Thị	Tho	30/7/2001	19DTM3	3,46	91,75	Giỏi	2.000.000	31310001258662	BIDV
19	1921004252	Võ Thị Quỳnh	Trang	08/12/2001	19DTM3	3,08	92,13	Khá	2.000.000	31310001555673	BIDV
20	1921004273	Trương Trần Huyền	Vy	20/9/2001	19DTM3	3,28	91,75	Giỏi	2.000.000	31310001377202	BIDV
21	1921004167	Lê Thị Lan	Anh	02/01/2001	19DLG	3,23	91,50	Giỏi	2.000.000	31310001262247	BIDV
22	1921004183	Nguyễn Thị Hương	Giang	27/6/2001	19DLG	3,18	94,75	Khá	2.000.000	19035879139014	Techcombank
23	1921002000	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/02/2001	19DLG	3,29	91,50	Giỏi	2.000.000	7108205339593	AGRIBANK
24	1921004221	Võ Thị	Ngọc	21/3/2001	19DLG	3,29	92,75	Giỏi	2.000.000	0651000868898	Vietcombank
25	1921001493	Kiều Thị Yến	Oanh	21/12/2001	19DLG	3,21	92,13	Giỏi	2.000.000	31310001606456	BIDV
26	1921001793	Đinh Thanh	Phong	02/6/2001	19DLG	3,32	94,50	Giỏi	2.000.000	105870544325	VietinBank
27	1921001801	Nguyễn Hữu	Thái	17/9/2001	19DLG	3,30	91,50	Giỏi	2.000.000	56210000881937	BIDV
28	1921001983	Nguyễn Châu Ngọc	Trâm	21/11/2001	19DLG	3,19	91,00	Khá	2.000.000	18110000207466	BIDV
29	1921002179	Phạm Lan	Anh	30/5/2001	CLC_19DTM01	3,35	92,38	Giỏi	2.000.000	12192387	ACB
30	1921005944	Trần Gia	Linh	24/11/2001	CLC_19DTM02	3,67	93,38	Xuất sắc	2.000.000	31310001389340	BIDV

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	KQRL	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
31	1921005873	Nguyễn Thị Kim	Chi	07/3/2001	CLC_19DTM03	3,52	91,50	Giỏi	2.000.000	31310001266869	BIDV
32	1921005878	Đặng Minh	Danh	04/7/2001	CLC_19DTM03	3,12	90,63	Khá	2.000.000	4609205129064	Agribank
33	1921006050	Nguyễn Hoàng Phúc	Thịnh	26/02/2001	CLC_19DTM03	3,50	96,00	Giỏi	2.000.000	31310001267677	BIDV
34	1921006110	Phạm Ngọc Phương	Tuyền	25/4/2001	CLC_19DTM03	3,69	96,25	Xuất sắc	2.000.000	31310001269910	BIDV
35	1921006135	Đào Thị	Yến	19/11/2001	CLC_19DTM03	3,33	92,00	Giỏi	2.000.000	060243168395	SACOMBANK
36	1921005841	Đỗ Nguyễn Tú	Anh	07/11/2001	CLC_19DTM04	2,88	91,00	Khá	2.000.000	0921000727625	VCB
37	1921005901	Phạm Minh	Hạnh	17/8/2001	CLC_19DTM04	3,42	90,13	Giỏi	2.000.000	9918812400	Vietcombank
38	1921006029	Trần Đặng Như	Quỳnh	18/02/2001	CLC_19DTM04	3,08	90,38	Khá	2.000.000	0421000540781	Vietcombank
39	1921006066	Phạm Thanh	Thúy	20/12/2001	CLC_19DTM04	3,33	93,88	Giỏi	2.000.000	0571000057090	Vietcombank
40	1921006006	Lại Trần Thanh	Phúc	23/8/2001	CLC_19DTM05	3,63	92,75	Xuất sắc	2.000.000	31310001426900	BIDV
41	1921005884	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/12/2001	CLC_19DTM07	3,14	90,13	Khá	2.000.000	0071001338571	Vietcombank
42	1921001673	Nguyễn Ngọc Anh	Thơ	15/8/2001	CLC_19DTM08	3,60	93,38	Xuất sắc	2.000.000	31310001281622	BIDV
43	1921004254	Nguyễn Lê	Trình	08/12/2001	CLC_19DTM08	3,63	92,63	Xuất sắc	2.000.000	31310001286265	BIDV
	Cộng:	43	Sinh viên						86.000.000		
XII	Viện Đào tạo quốc tế										
1	1921002235	Nguyễn Thị Minh	Phương	02/01/2001	IP_19DKQ	3,35	90,00	Giỏi	2.000.000	31310001258778	BIDV
	Cộng:	1	Sinh viên						2.000.000		
	Tổng cộng:	167	sinh viên						334.000.000		

Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

HIỆU TRƯỞNG

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU SINH VIÊN GIỎI TOÀN KHÓA
KHÓA 16 - ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 952 /QĐ-ĐHTCM ngày 10 / 04 /2023)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	KQHT	Danh hiệu TK	Mức khen thưởng (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng
I	Khoa Kế toán - Kiểm toán									
1	2032000016	Phạm Ngọc	Lễ	28/12/1988	LTDH16KT	3,23	Giỏi	2.000.000	0181003547534	VIETCOMBANK
2	2032000052	Ngô Thị Kim	Trang	13/02/1998	LTDH16KT	3,23	Giỏi	2.000.000	15684387	ACB
	Cộng:	2	Sinh viên					4.000.000		
II	Khoa Tài chính - Ngân hàng									
1	2032000176	Nguyễn Thị	Hạ	24/04/1998	LTDH16TC	3,45	Giỏi	2.000.000	18810000262710	BIDV
	Cộng:	1	Sinh viên					2.000.000		
III	Khoa Thương Mại									
1	2032000108	Lê Nguyễn Nhật	Tân	15/12/1999	LTDH16KQ	3,37	Giỏi	2.000.000	1607205504700	Agribank
2	2032000119	Huỳnh Thị Diễm	Trinh	18/12/1999	LTDH16KQ	3,33	Giỏi	2.000.000	13510001073511	BIDV
	Cộng:	2	Sinh viên					4.000.000		
	Tổng cộng:	5	sinh viên					10.000.000		

Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Tiến Đạt

